

Báo cáo THỊ TRƯỜNG THÉP QUÍ I/2020

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường thép trong nước và thế giới.



MỤC LỤC

TÓM TẮT	03
---------------	----

PHẦN 1: THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI	04
---	----

1. Sản lượng thép thế giới	05
2. Tình hình xuất nhập khẩu	07
3. Diễn biến giá	14

PHẦN 2: THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC	16
---	----

1. Tình hình sản xuất	17
2. Tình hình xuất nhập khẩu, tồn kho	18
3. Diễn biến giá	20

PHẦN 3: THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM	22
---	----

1. Sản lượng thép Việt Nam	23
2. Tình hình xuất nhập khẩu	23
3. Diễn biến giá	26

PHẦN 3: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH	27
--	----

PHẦN 4: DỰ BÁO	31
-------------------------	----

PHỤ LỤC	33
---------------	----

ĐỘI NGŨ THỰC HIỆN:

Nội dung: Nguyễn Thương, Phùng Đức Quyền

Thiết kế: Alex Chu

Thị trường thép thế giới biến động mạnh trong quý I/2020 do dịch COVID-19. Sản xuất thép tại khối châu Âu sụt giảm rõ rệt, đặc biệt là Ý – quốc gia chịu thiệt hại nặng nề trong dịch bệnh ghi nhận sản lượng thép tháng 3 giảm gần 40% so với cùng kỳ năm ngoái. Các thị trường xuất khẩu tiềm năng như Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc áp dụng nhiều biện pháp phong tỏa khiến sản xuất và lưu thông hàng hóa đình trệ.

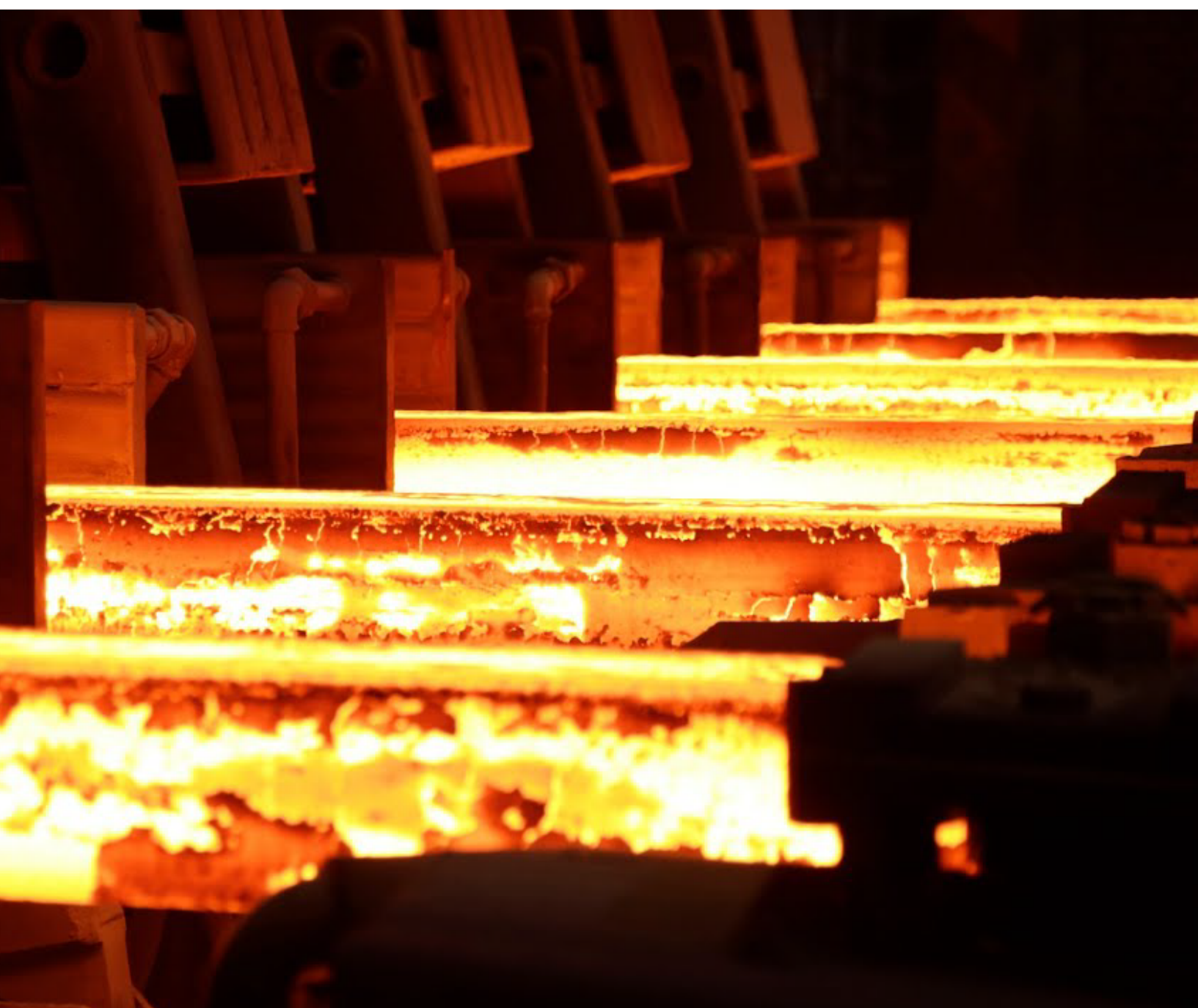
Đáng chú ý, Trung Quốc đã phục hồi đáng kể các hoạt động sản xuất từ tháng 3, sau khi thành phố Vũ Hán trở thành tâm chấn dịch bệnh hồi đầu năm. Quốc gia này đang đẩy mạnh nhập khẩu sắt thép để tập trung vào các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và đơn đặt hàng.

Dự báo, diễn biến này có thể tăng lên trong suốt quý II và khiến Trung Quốc thay đổi vị thế của nhà xuất khẩu trước đây. Tuy nhiên, việc các nhà máy hoạt động với công suất lớn, hàng tồn kho ở mức cao sẽ gây áp lực cho nguồn cung và giá cả nội địa.

Tại Việt Nam, sản xuất thép quý I chỉ giảm 6% so với cùng kỳ, một phần nhờ các biện pháp kiểm soát dịch bệnh hiệu quả của Chính phủ. Khối lượng xuất khẩu trong quý I tăng hơn 11% do Trung Quốc nhập khẩu cao gấp 24 lần cùng kỳ. Dự báo, thị trường thép Việt Nam sẽ tích cực hơn trong quý II.

Phần 1

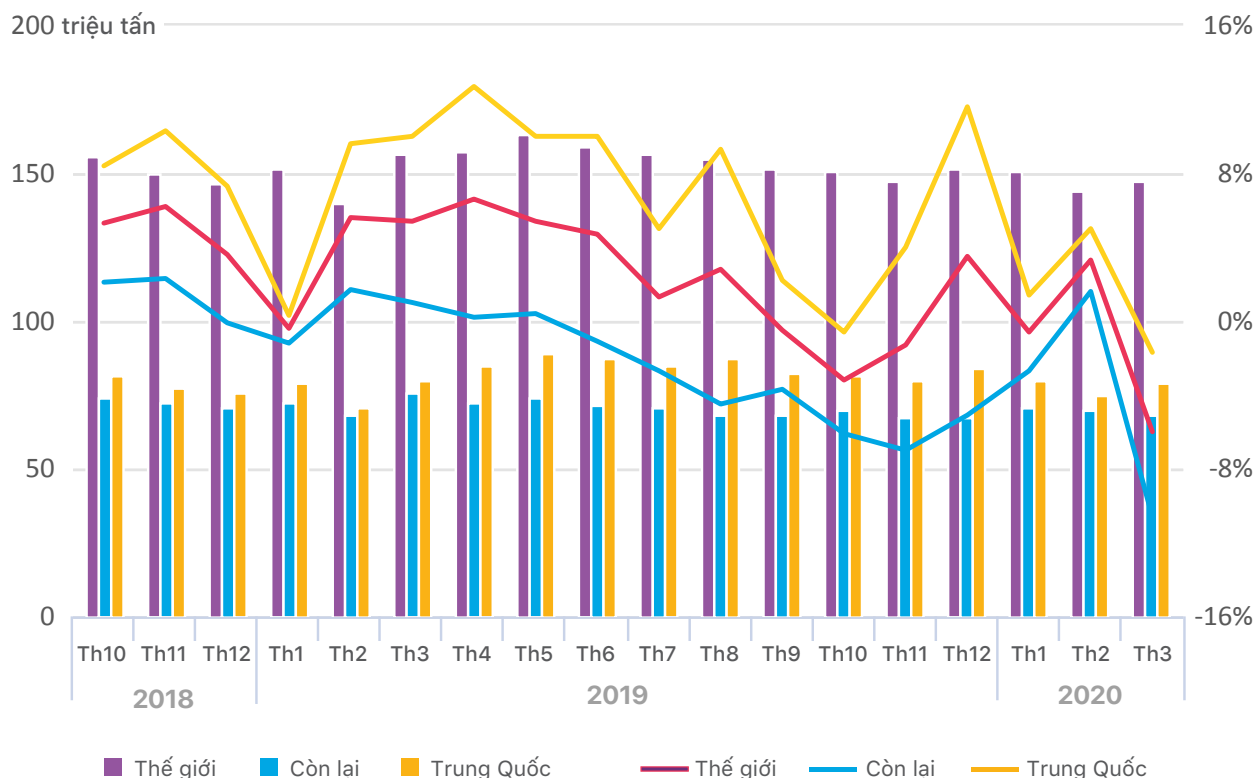
THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI



1. Sản lượng thép thế giới

Sản lượng thép thô toàn cầu đạt 443 triệu tấn trong quý I, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2019. Sản xuất thép thô tại châu Á cũng giảm 0,3% còn 315,2 triệu

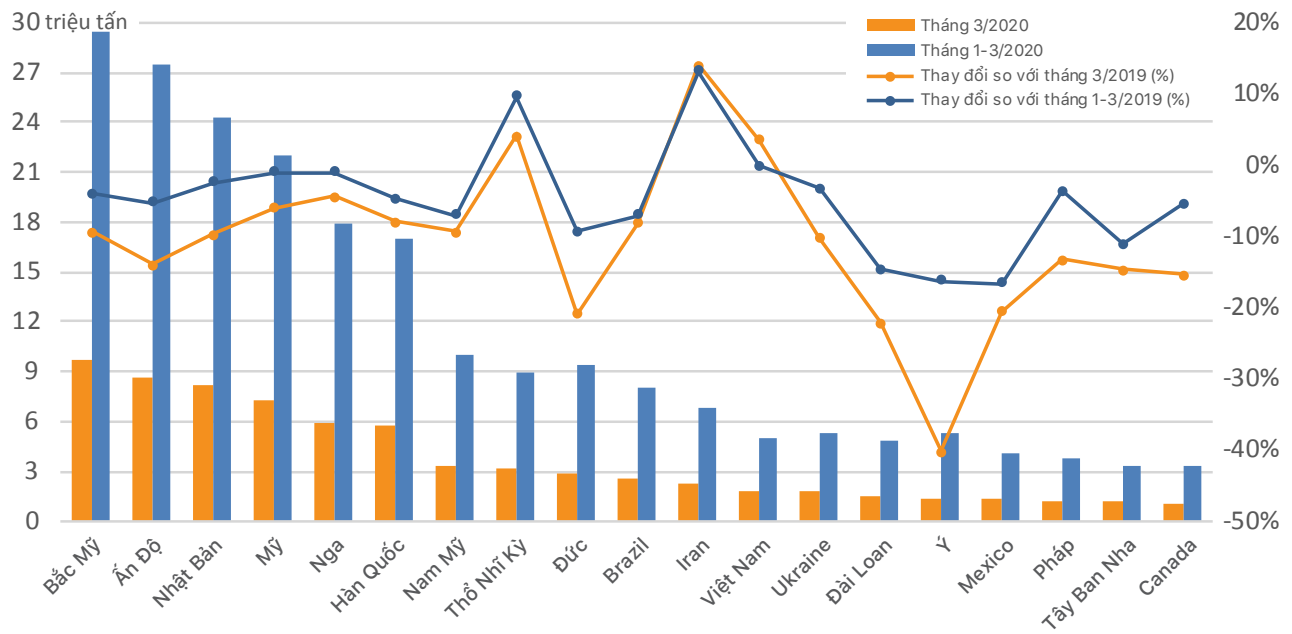
tấn. Các nước thuộc khối Liên minh châu Âu (EU) sản xuất đạt 38,3 triệu tấn, giảm 10%; khu vực Bắc Mỹ giảm 4% còn 29,5 triệu tấn.



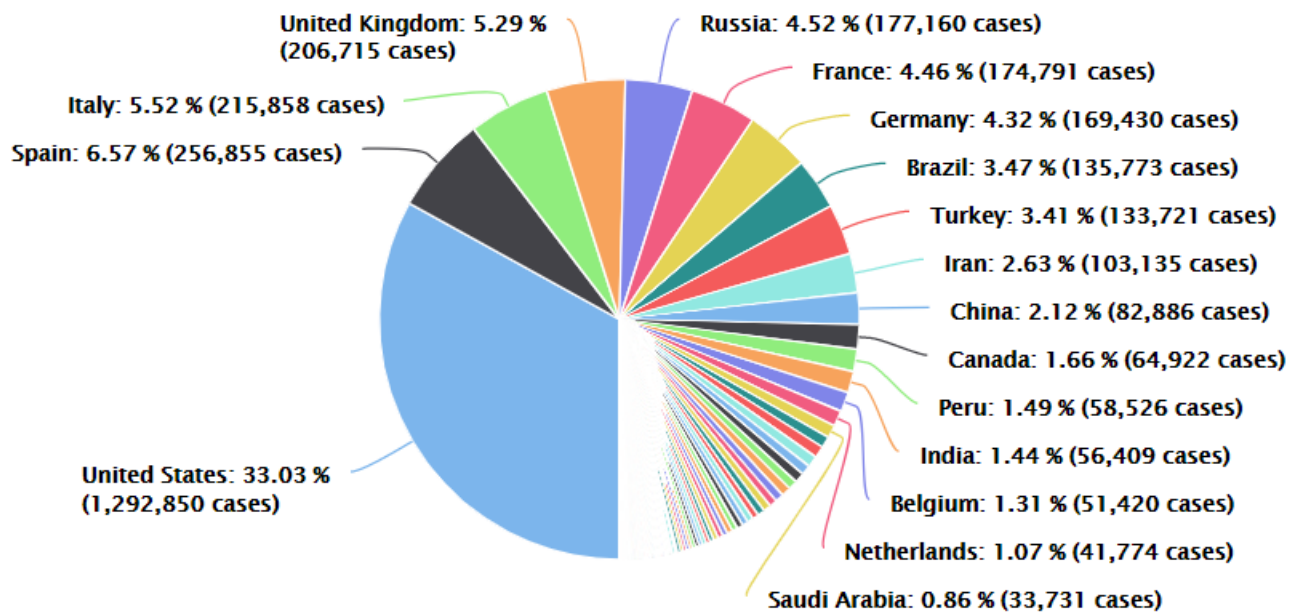
Biểu đồ 1: Sản lượng thép thế giới (Nguồn: Worldsteel).

Dịch COVID-19 bùng phát mạnh trong quý I ảnh hưởng nghiêm trọng đối với ngành công nghiệp thép toàn cầu. Số ca nhiễm bệnh tại Ý tăng mạnh cùng những biện pháp kiểm soát dịch của Chính Phủ khiến sản xuất thép chỉ đạt gần 6 triệu tấn, giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái, thậm chí tính riêng tháng 3, sản lượng thép giảm gần 40%. Diễn biến tương tự đối với Đức, Pháp, Mexico, Đài Loan ...

Trong khi đó, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam là số ít quốc gia có sản lượng thép tăng nhẹ. Ngoại trừ Việt Nam có số ca mắc bệnh khoảng dưới 300 người trong suốt quý I, Iran và Thổ Nhĩ Kỳ nằm trong danh sách 10 nước ghi nhận số người nhiễm COVID-19 nhiều nhất, theo thống kê của *Worldometers*.



Biểu đồ 2: Các khu vực sản xuất trên 1 triệu tấn thép trong tháng 3/2020 (ngoại trừ Trung Quốc) (Nguồn: Worldsteel).



Biểu đồ 3: Thống kê số người nhiễm COVID-19 trên thế giới (tại ngày 8/5) (Nguồn: Worldometers).

2. Tình hình xuất nhập khẩu

Tình hình xuất khẩu



Mỹ: Theo thống kê của Bộ Thương mại Mỹ, xuất khẩu sắt thép phế liệu trong tháng 3 đạt hơn 1,4 triệu tấn, giảm 1,8% so với tháng 2 và giảm 1,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Kim ngạch xuất khẩu đạt 388,2 triệu USD, giảm 7,2% so với tháng 2 và giảm 15% so với cùng kỳ.

Trong đó, Thổ Nhĩ Kỳ là nước nhập khẩu thép phế liệu lớn nhất của Mỹ với khối lượng 444.587 tấn, tăng 101% so với tháng 2 và tăng gần 20% so với cùng kỳ. Các quốc gia nhập khẩu khác bao gồm Mexico (192.788 tấn), Malaysia (157.554 tấn), Đài Loan (142.272 tấn), Hàn Quốc (67.284 tấn).



Thổ Nhĩ Kỳ:

444.587 tấn (▲20%)



Mexico:

192.788 tấn



Malaysia:

157.554 tấn



Đài Loan:

142.272 tấn



Hàn Quốc:

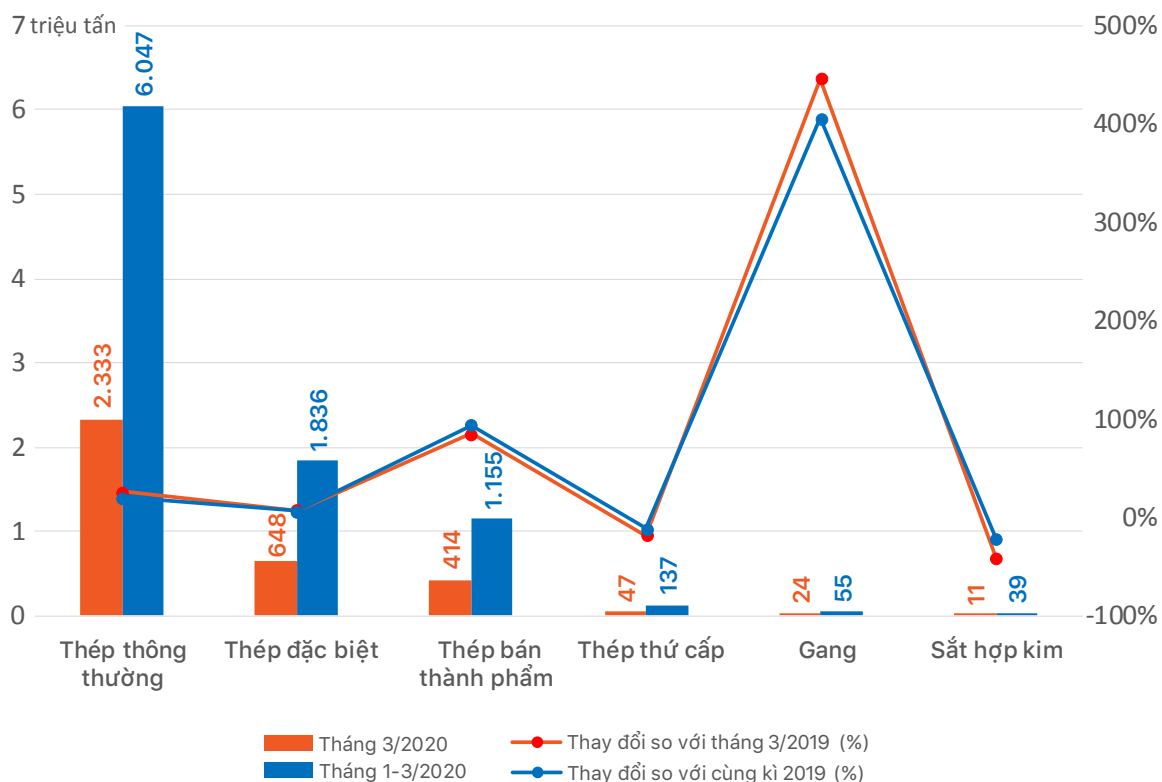
67.284 tấn

Tình hình xuất khẩu thép của Mỹ trong tháng 3/2020



Nhật Bản: Tính riêng tháng 3, tổng xuất khẩu thép đạt gần 3,5 triệu tấn, tăng 26%

so với cùng kỳ năm ngoái. Kim ngạch xuất khẩu đạt gần 3 tỉ USD. Trong đó, xuất khẩu các sản phẩm thép thông thường đạt hơn 2,3 triệu tấn, tăng 26%. Đáng chú ý, sản lượng gang xuất khẩu tăng vọt gấp 4 lần cùng kỳ, đạt 24.187 tấn.

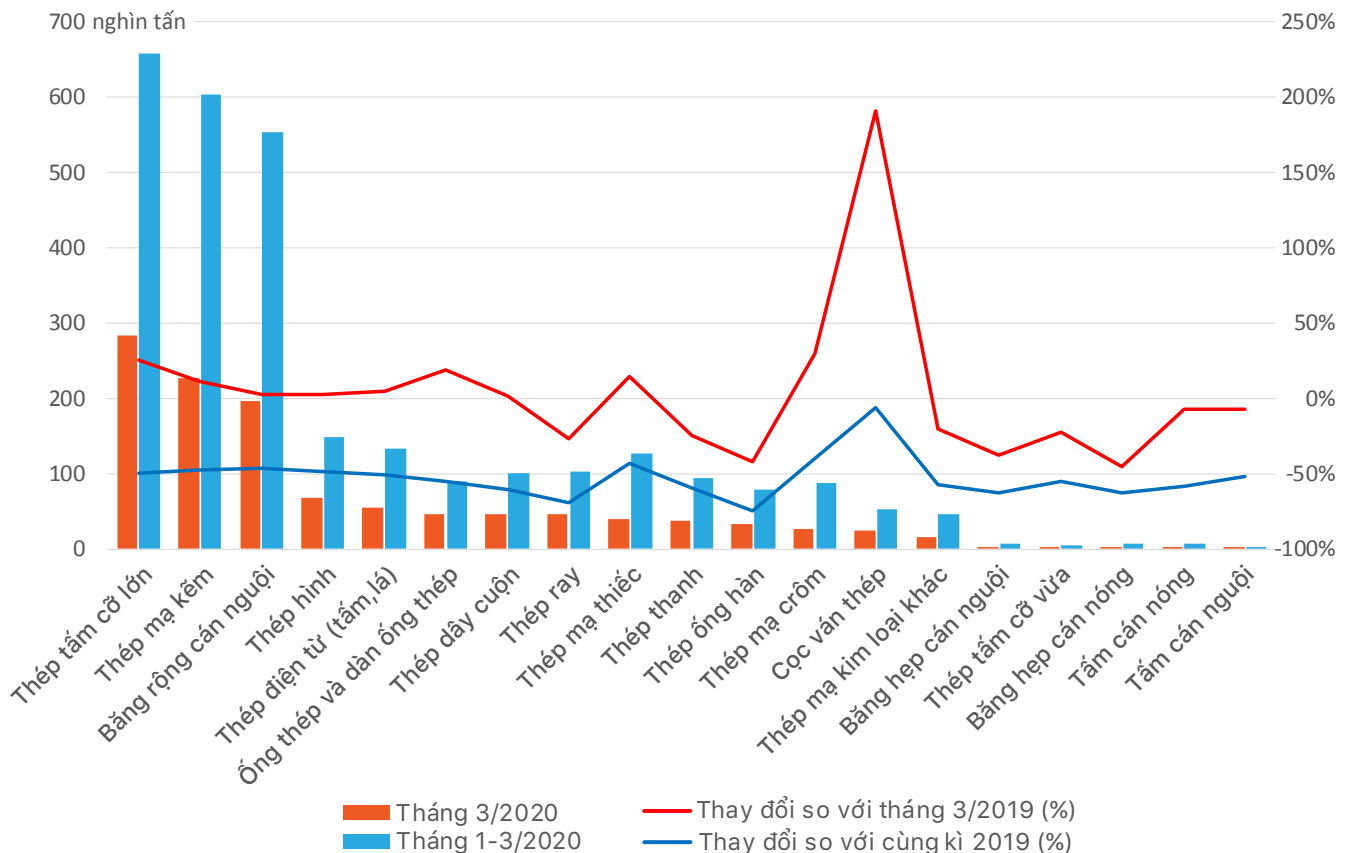


Biểu đồ 4: Các dòng sắt, thép xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản
(Nguồn: Nguyễn Thương tổng hợp, Hiệp hội sắt thép Nhật Bản).

Các loại sắt thép thông thường đạt số lượng xuất khẩu nhiều nhất gồm băng rộng cán nóng đạt 1,2 triệu tấn, tăng 55% so với tháng 3/2019; thép tấm cỡ lớn đạt 282.852 tấn, tăng 26%; thép mạ kẽm và băng rộng cán nguội tăng nhẹ

lên 228.295 tấn và 197.800 tấn. Riêng sản phẩm cọc ván thép tăng gần gấp đôi cùng kì lên 26.381 tấn.

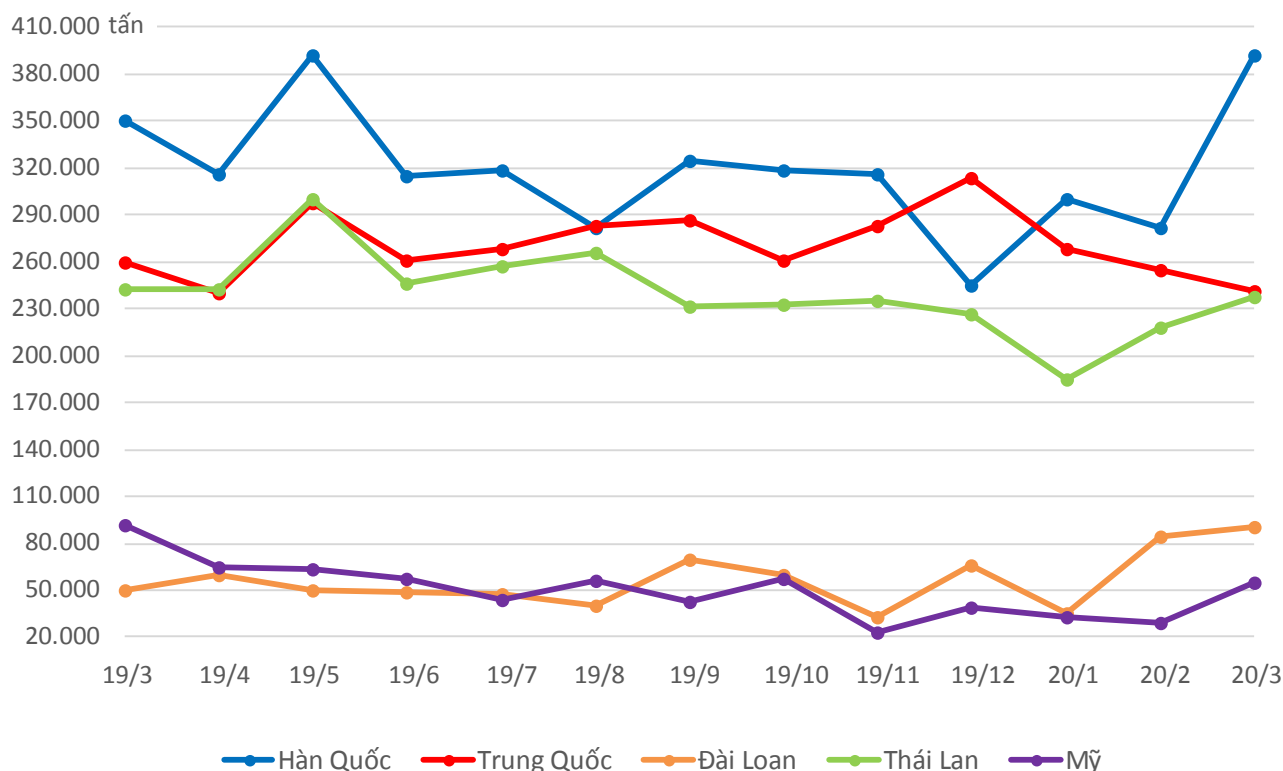
Quý I, xuất khẩu sắt thép Nhật Bản đạt trên 9,3 triệu tấn.



Biểu đồ 5: Thống kê xuất khẩu các sản phẩm thép thông thường của Nhật Bản
(Nguồn: Nguyễn Thương tổng hợp, Hiệp hội sắt thép Nhật Bản).

Các thị trường nhập khẩu sắt thép chính của Nhật Bản gồm Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Mỹ. Đáng chú ý, tổng xuất khẩu sắt thép sang Hàn Quốc trong tháng 3 đạt trên 550.000 tấn, tăng 11% so với cùng kỳ. Trong đó, lượng sắt thép thông thường tăng 12% lên 391.774 tấn.

Ngoài ra, Nhật Bản cũng xuất khẩu gần 1,2 triệu tấn thép phế liệu trong hai tháng đầu năm, tăng 23% so với cùng kỳ. Trong đó, Việt Nam là quốc gia nhập khẩu nhiều nhất với hơn 568.000 tấn, tăng 62%; theo sau là Hàn Quốc với 556.700 tấn, giảm 33% và Đài Loan hơn 135.700 tấn, tăng 71%.



Biểu đồ 6: Thống kê các thị trường nhập khẩu sản phẩm sắt thép thông thường của Nhật Bản
(Nguồn: Hiệp hội sắt thép Nhật Bản).



Hàn Quốc: Theo Hiệp hội Sắt thép Hàn Quốc, xuất khẩu thép thanh không gỉ tháng 3 đạt hơn 4.100 tấn, giảm gần 15% so với cùng kỳ.

Lũy kế 3 tháng, lượng xuất khẩu giảm 22% còn 12.400 tấn. Ấn Độ là thị trường nhập khẩu nhiều nhất của Hàn Quốc cũng giảm 50% còn 589 tấn. Xuất khẩu sang châu Âu, Trung Quốc giảm lần lượt 50% và 80% còn 35 tấn và 860 tấn. Ngược lại, xuất khẩu qua Thái Lan tăng vọt 137% lên 1.090 tấn.

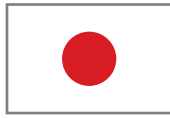


Thổ Nhĩ Kỳ: Theo dữ liệu của Viện thống kê Thổ Nhĩ Kỳ, xuất khẩu sắt thép trong tháng 3 đạt 673,9 triệu USD, giảm gần 32% so với cùng kỳ năm ngoái, xếp thứ 4 trong số các sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao nhất của quốc gia.

Quý I, sản lượng thép thành phẩm của nước này tăng 19% so với cùng kỳ lên 9,34 triệu tấn, bao gồm 5,7 triệu tấn thép dài với mức tăng 25%. Tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép giảm 22% còn gần 2,2 tỉ USD.

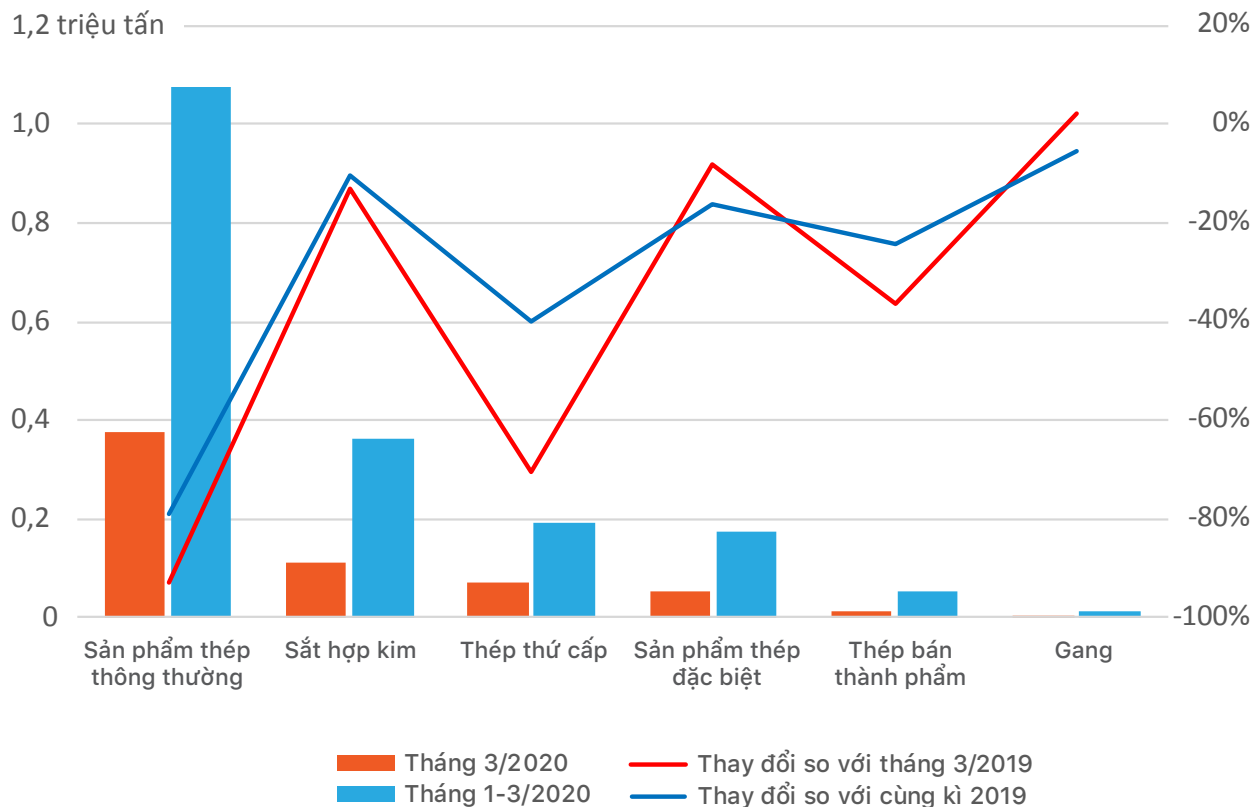
Nhu cầu tiêu thụ thép tăng 42,3% lên 7,7 triệu tấn. Trong đó, mức tiêu thụ sản phẩm thép dài tăng 44% lên 3,4 triệu tấn; đối với sản phẩm thép tấm là 4,3 triệu tấn, tăng 41%.

Tình hình nhập khẩu

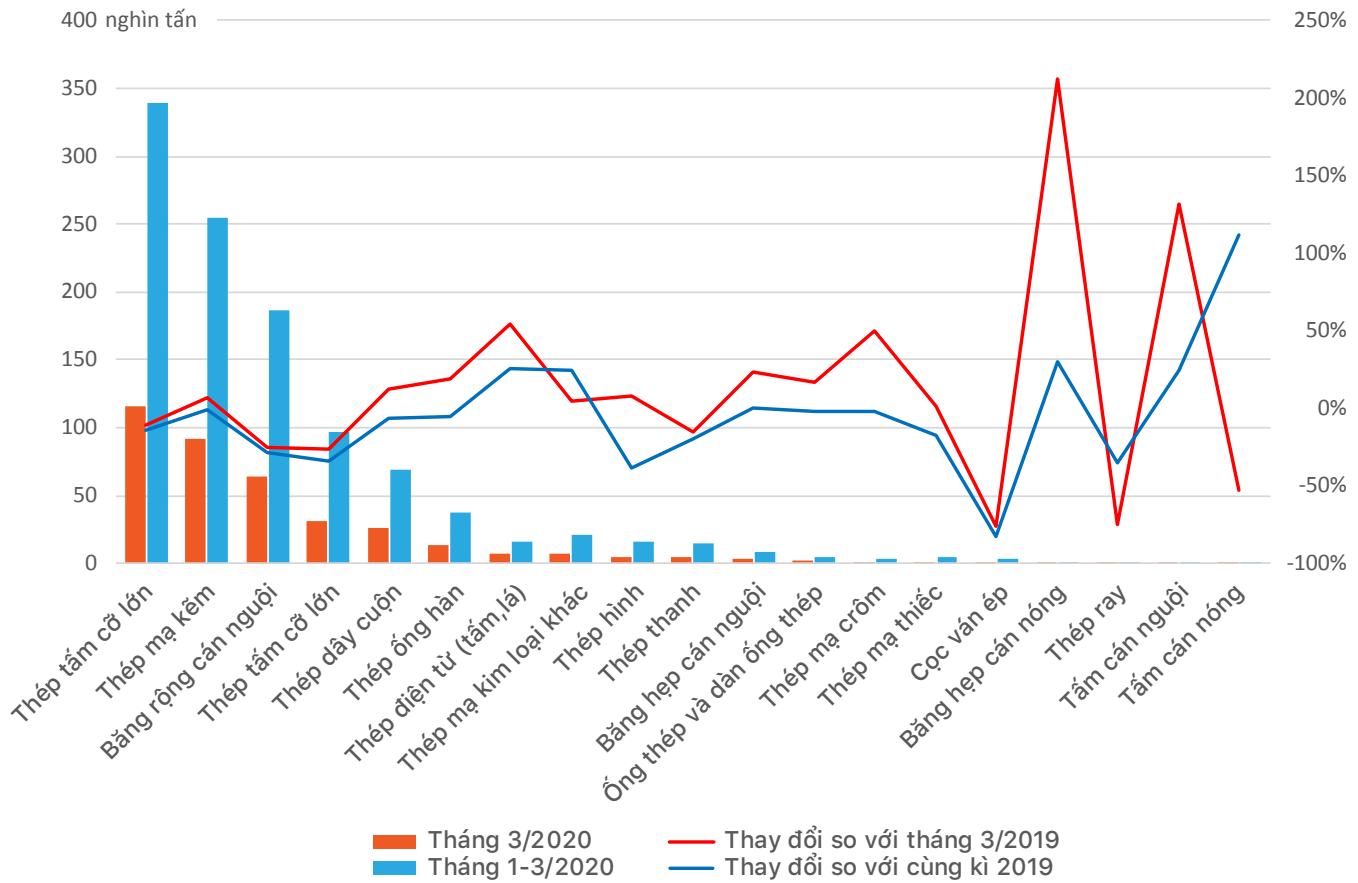


Nhật Bản: Nhu cầu nhập khẩu sắt thép trong tháng 3 nhìn chung tăng nhẹ so với hai tháng đầu năm. Tuy nhiên, nhập khẩu sắt thép các loại trong tháng 3 vẫn giảm 16% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 627.689 tấn. Trong đó, nhập khẩu các sản phẩm thép thông thường giảm 8,4% còn 376.831 tấn.

Nhật Bản chủ yếu nhập khẩu các sản phẩm băng rộng cán nóng, thép mạ kẽm, băng rộng cán nguội, thép tấm cỡ lớn. Tuy nhiên, nhu cầu về thép băng rộng cán hẹp và tấm cán nguội trong tháng 3 tăng mạnh 130 – 200% so với cùng kỳ năm ngoái.

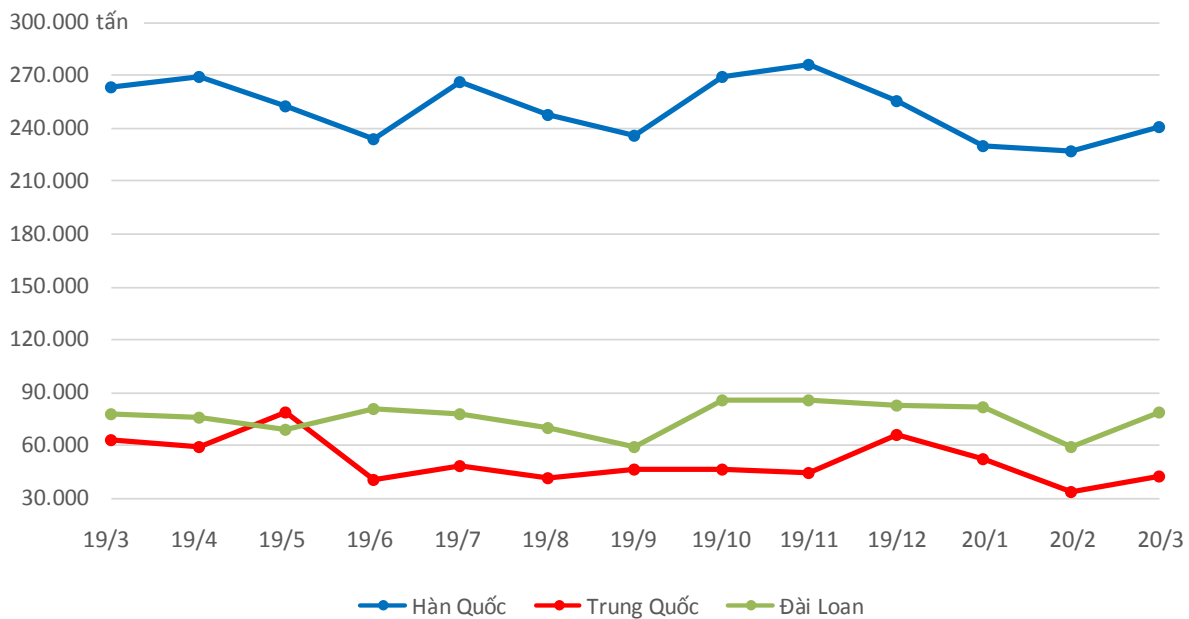


Biểu đồ 7: Thống kê nhập khẩu các sản phẩm thép của Nhật Bản
(Nguồn: Hiệp hội Sắt thép Nhật Bản).



Biểu đồ 8: Thống kê nhập khẩu các sản phẩm thép thông thường của Nhật Bản
(Nguồn: Nguyễn Thương, Hiệp hội sắt thép Nhật Bản).

Thị trường nhập khẩu chính trong tháng 3 gồm Hàn Quốc (292.389 tấn), Đài Loan (92.011 tấn), Trung Quốc (110.627 tấn).

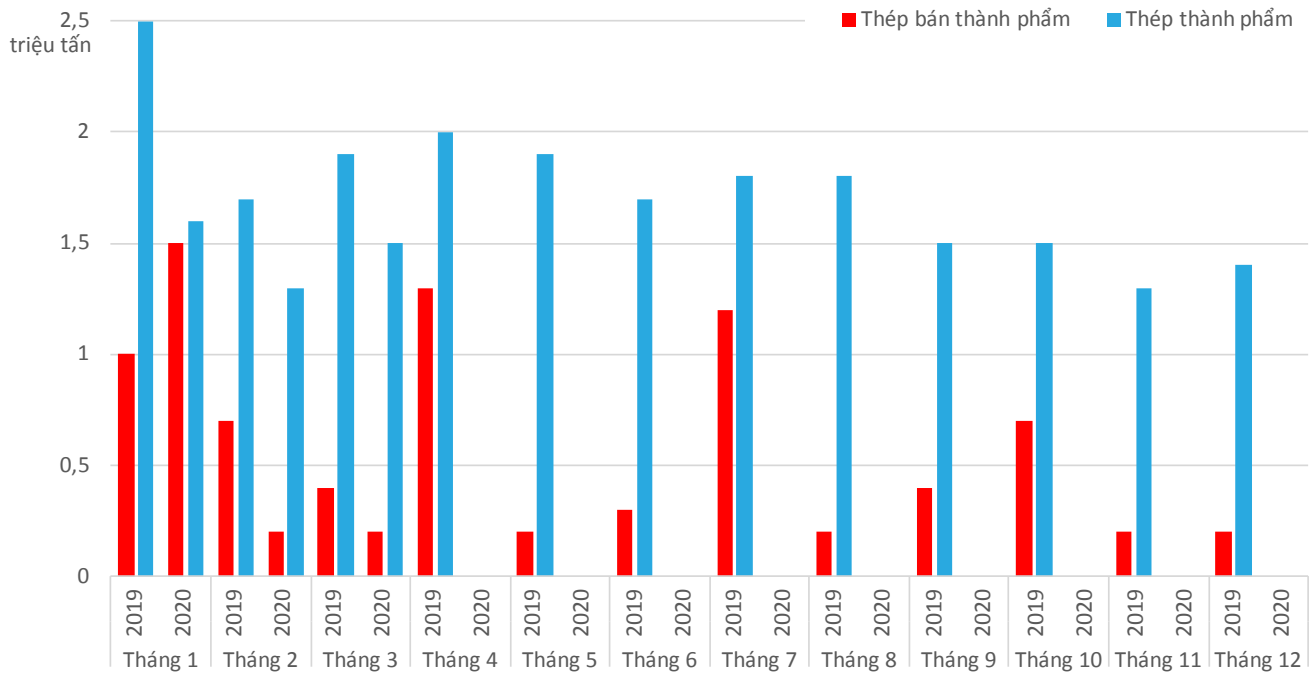


Biểu đồ 9: Thống kê nhập khẩu các loại thép thông thường của Nhật Bản
(Nguồn: Hiệp hội sắt thép Nhật Bản).

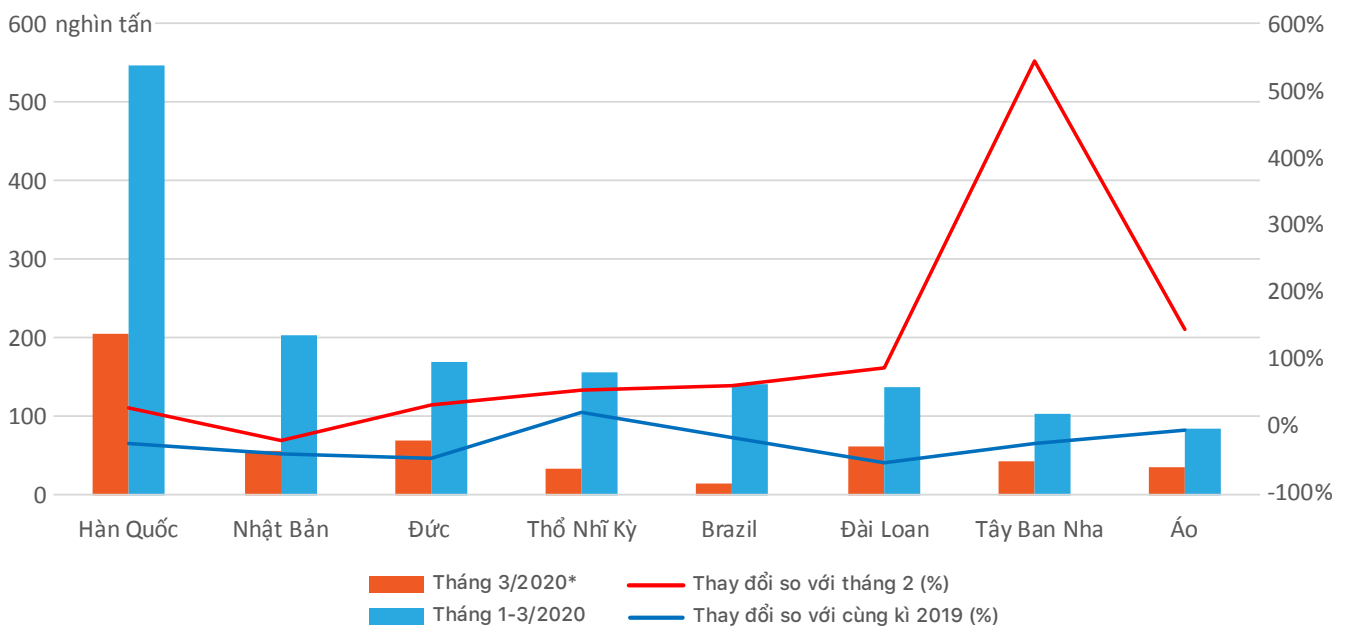


Mỹ: Theo Viện Sắt thép Mỹ, quốc gia này nhập khẩu tổng cộng 1,75 triệu tấn thép trong tháng 3, gồm 1,5 triệu tấn thép thành phẩm, tăng lần lượt 16% và

12% so với cùng kỳ năm ngoái. Quý I, nhập khẩu thép ghi nhận 6,4 triệu tấn, bao gồm 4,5 triệu tấn thép thành phẩm, giảm tương ứng 22% và 26%.



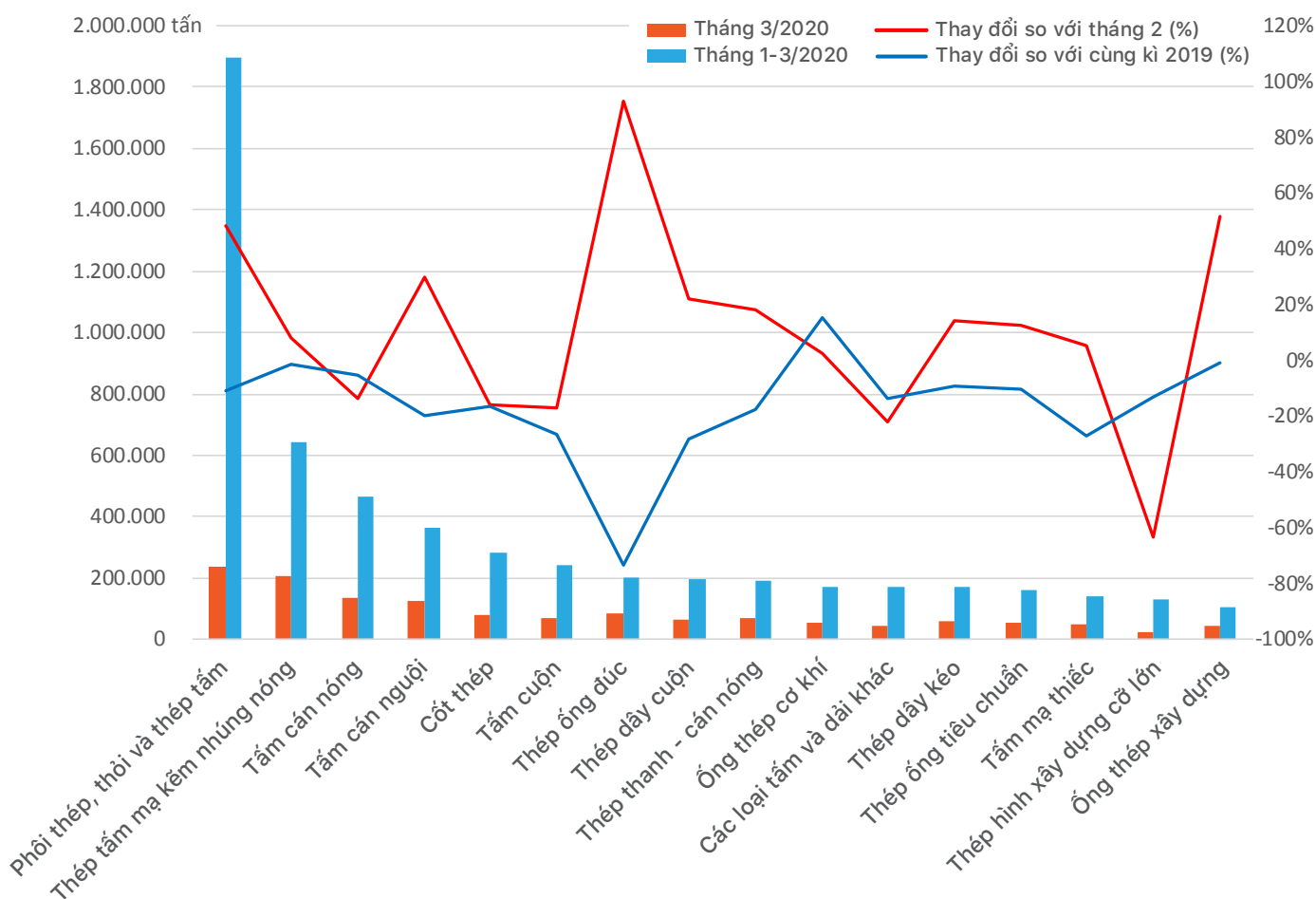
Biểu đồ 10: Thống kê nhập khẩu thép của Mỹ (Nguồn: Viện Sắt thép Mỹ).



Biểu đồ 11: Các thị trường xuất khẩu sắt thép sang Mỹ trong ba tháng đầu năm 2020 (Nguồn: Viện Sắt thép Mỹ).

Nhập khẩu thép thanh tháng 3 đạt 72.097 tấn, giảm 16% so với tháng 2 và 21% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá trị nhập khẩu thép thanh giảm 26% so với cùng kỳ còn 36 triệu USD. Mỹ nhập khẩu thép thanh chủ yếu từ Tây Ban Nha với

khoảng 26.000 tấn, giảm gần một nửa so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, sản phẩm này còn được nhập từ Mexico (20.324 tấn), Thổ Nhĩ Kỳ (19.747 tấn) và Canada (4.909 tấn).



Biểu đồ 12: Các sản phẩm thép nhập khẩu chính của Mỹ trong ba tháng đầu năm 2020
(Nguồn: Viện Sắt thép Mỹ)



Thổ Nhĩ Kỳ: Tháng 3, kim ngạch nhập khẩu sắt thép của Thổ Nhĩ Kỳ tăng gần 3% so với cùng kỳ lên gần 1,3 tỉ USD.

Quý I, kim ngạch nhập khẩu tăng 15,5% lên 3,85 tỉ USD. Khối lượng nhập khẩu thép phế liệu tăng 36% lên 5,3 triệu tấn,

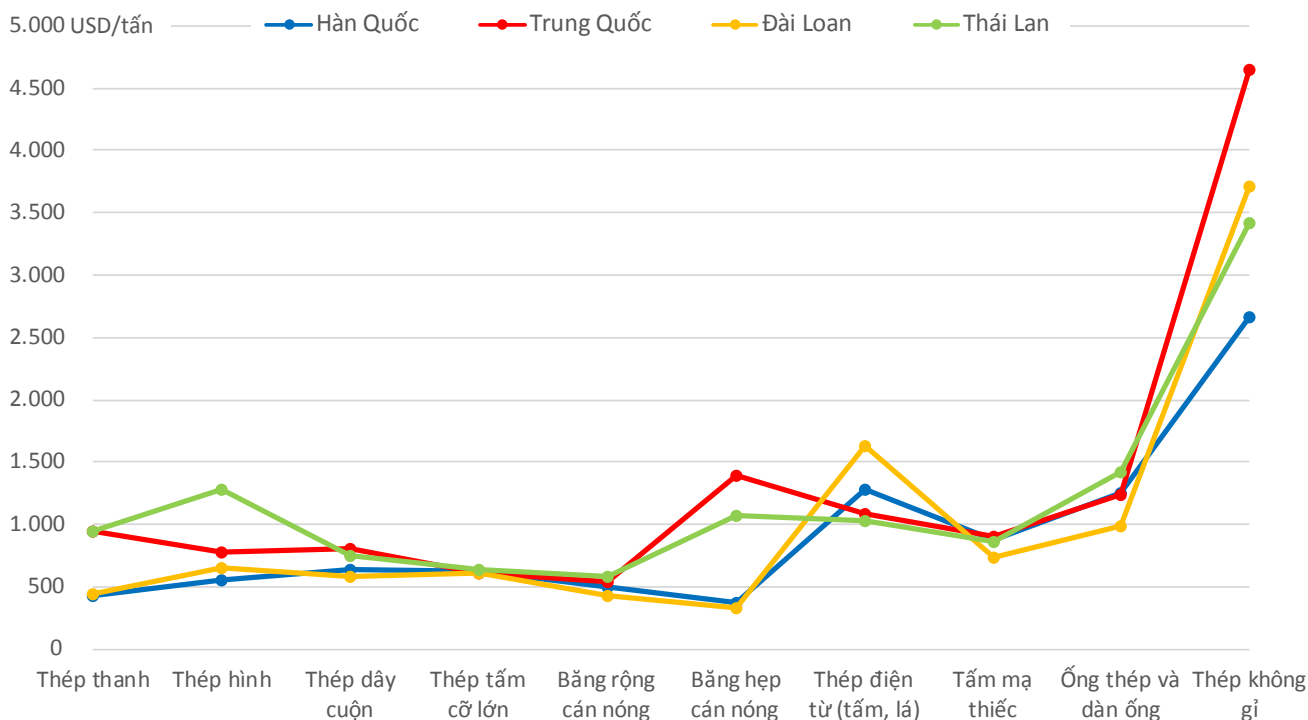
giá trị nhập khẩu tăng 23% lên 1,5 triệu USD, theo Hiệp hội các nhà sản xuất thép Thổ Nhĩ Kỳ. Các nước nhập khẩu thép phế liệu chủ yếu là EU, Mỹ, khu vực các quốc gia độc lập – CIS...

Quốc gia	Tháng 1-3/2020	Thay đổi so với cùng kỳ
Mỹ	984.053	▲ 34,0%
Liên minh châu Âu (EU)	3.418.793	▲ 40,0%
Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS)	452.435	▼ 2,0%
Còn lại	317.000	▲ 72,0%
Tổng	5.282.269	▲ 35,7%

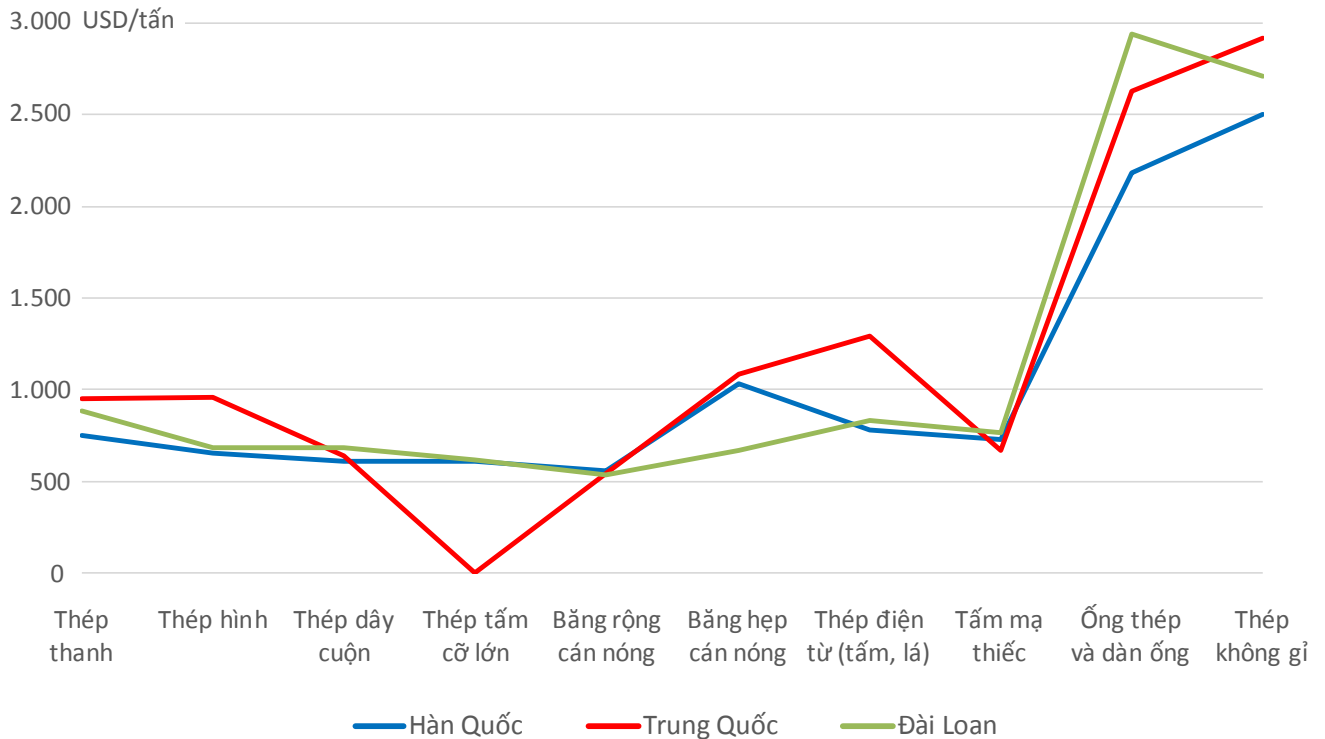
3. Diễn biến giá

Nhật Bản xuất khẩu một số sản phẩm thép dây, băng hẹp cán nóng và đặc biệt là thép không gỉ sang Trung Quốc với giá cao hơn các nước khác như Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan. Đồng thời, xuất khẩu thép thanh đến Hàn Quốc với mức giá khoảng 500 USD/tấn, trong khi Thái Lan ghi nhận gần 1.000 USD/tấn.

Ngược lại, Nhật Bản cũng phải nhập khẩu thép không gỉ với giá cao nhất từ Trung Quốc, nhưng không nhập thép tấm cỡ lớn của nước này.

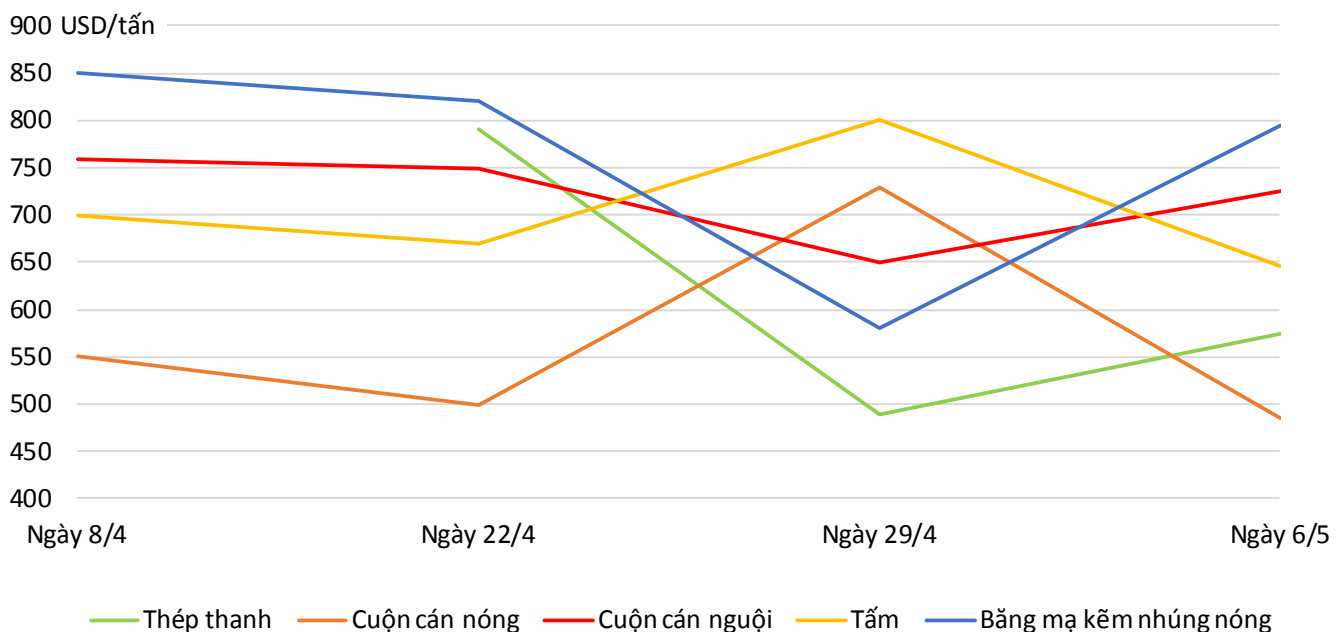


Biểu đồ 13: Giá thép xuất khẩu trung bình tháng 3 của Nhật Bản
(Nguồn: Hiệp hội Sắt thép Nhật Bản)



Biểu đồ 14: Giá thép nhập khẩu trung bình tháng 3 của Nhật Bản (Nguồn: Hiệp hội Sắt thép Nhật Bản).

Giá thép nội địa Mỹ biến động mạnh vào cuối tháng 4 vừa qua. Sản phẩm băng mạ kẽm nhúng nóng, cuộn cán nguội và thép thanh tăng mạnh vào cuối tháng 4 đến tuần đầu tháng 5, trong khi giá thép cán nóng và thép tấm giảm đáng kể.



Biểu đồ 15: Giá một số sản phẩm thép nội địa Mỹ (Nguồn: Hiệp hội Sắt thép Nhật Bản).

Phần 2

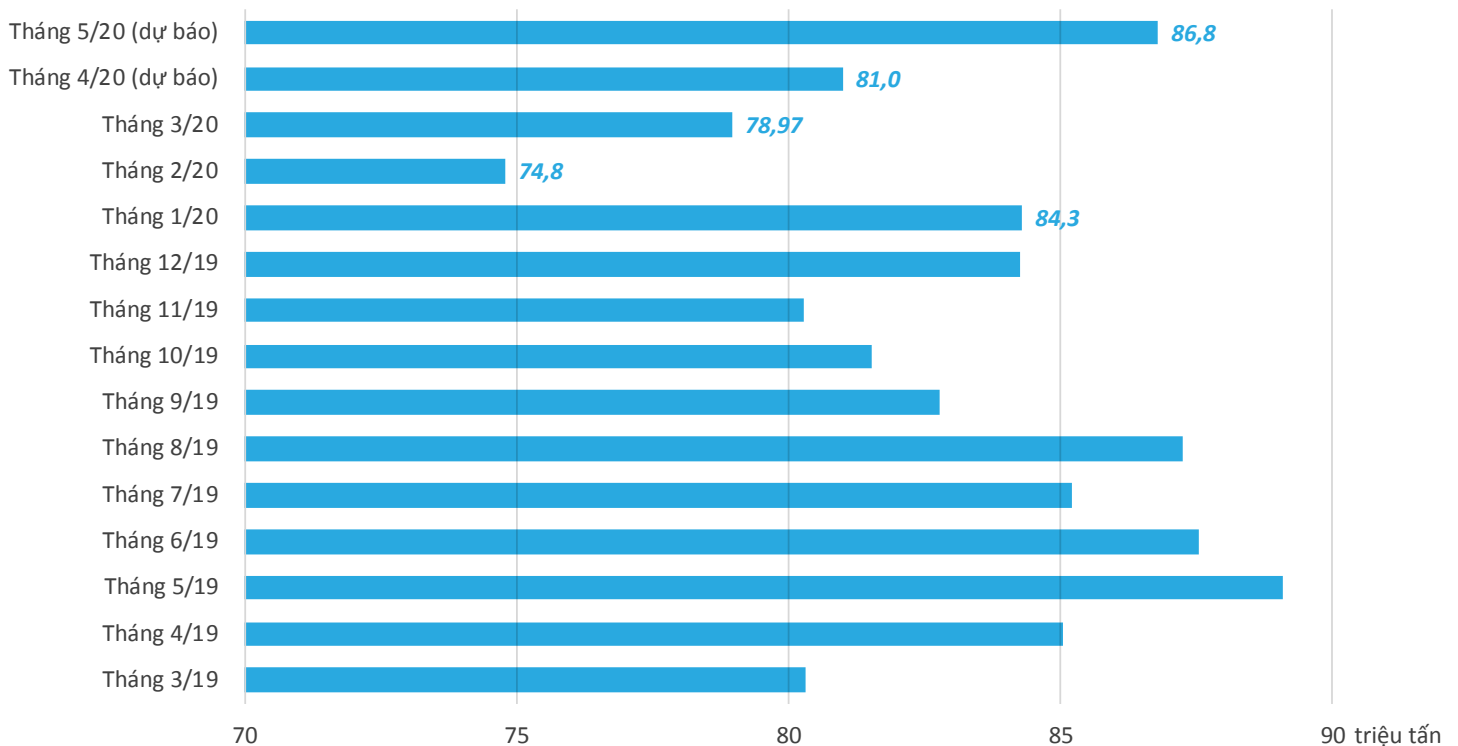
THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC



1. Tình hình sản xuất

Dịch COVID-19 bùng phát đầu tiên tại Trung Quốc vào cuối tháng 12/2019 và tăng mạnh trong nửa đầu quý I/2020. Theo Cục Thống kê Quốc gia nước này, số lượng nhà ở mới trong hai tháng đầu năm 2020 giảm 45% so với cùng kỳ năm ngoái, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cũng giảm hơn 30%.

Các biện pháp cách ly xã hội và phong tỏa một số khu vực gây thiếu hụt người lao động, trong khi hàng hóa lưu thông kém, tồn kho thép tăng mạnh tại các nhà máy và cảng biển.

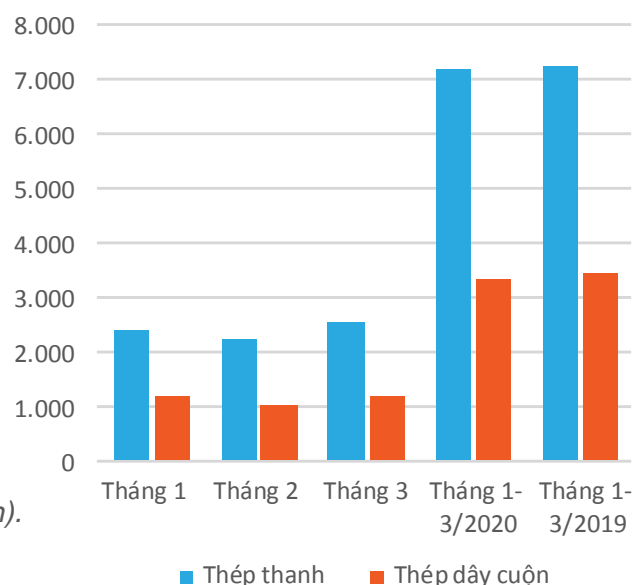


Biểu đồ 16: Thống kê sản lượng thép Trung Quốc (Nguồn: SteelHome).

Theo thống kê, sản xuất thép của Trung Quốc dần phục hồi từ đầu tháng 3 và dự kiến sẽ tiếp tục tăng vào tháng 5.

Quý I, tổng sản lượng thép Trung Quốc đạt hơn 238 triệu tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ; sản lượng thép thanh và thép dây cuộn chỉ giảm nhẹ.

Biểu đồ 17: Sản lượng thép thanh và dây thép Trung Quốc (Nguồn: SteelHome/ Đơn vị: 10.000 tấn).



Tốc độ vận hành lò cao bắt đầu tăng mạnh từ tháng 3. Tính đến ngày 17/4, tỉ lệ vận hành lò cao là 90,75%, **đạt mức cao kỉ lục kể từ quý IV/2019** trong khi tỉ lệ vận hành lò điện hồ quang là 76,65%. Điều này cho thấy nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất của quốc gia này trong mùa dịch.

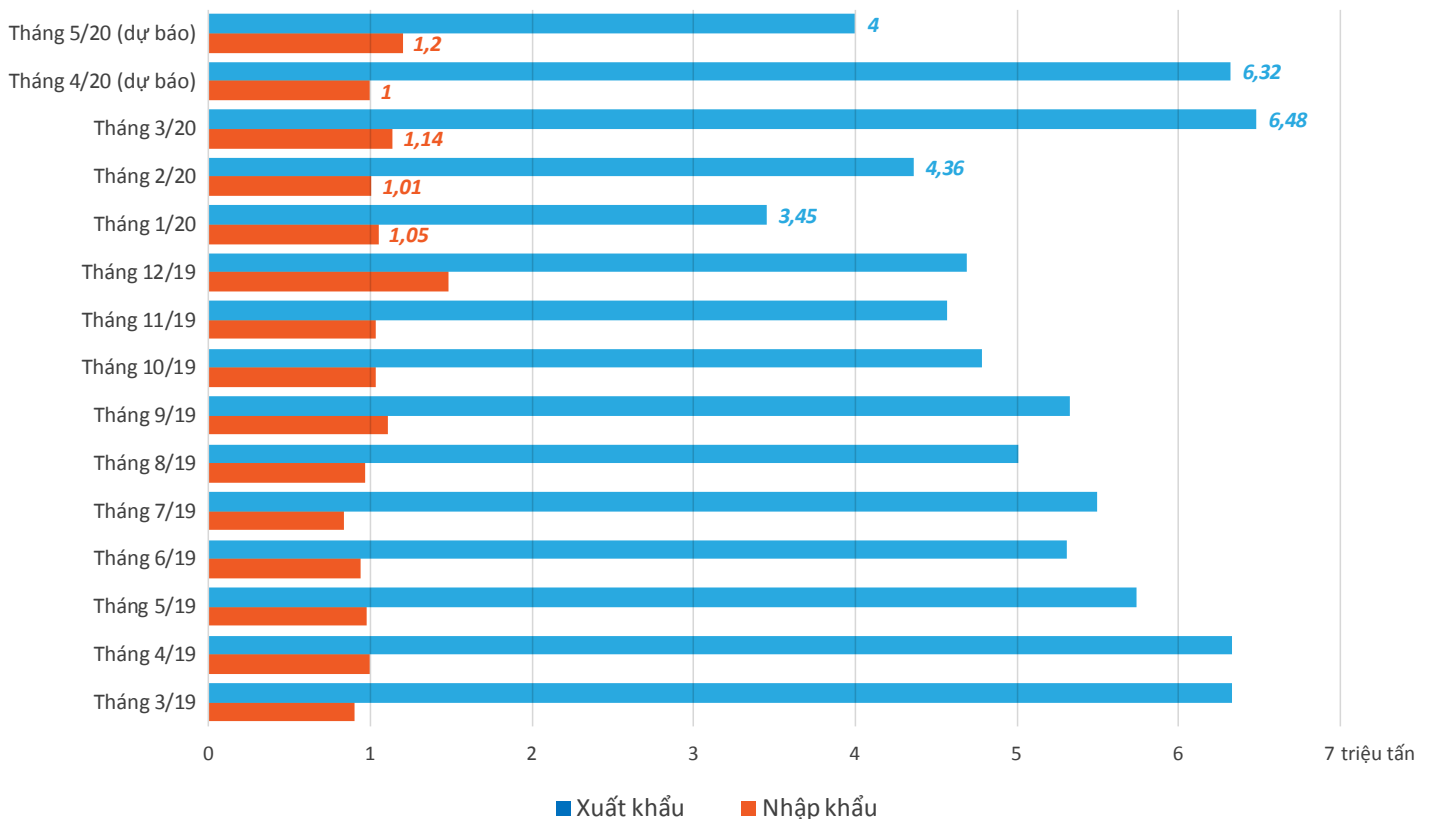
Đối với thị trường thép cuộn cán nóng (HRC), tổng sản lượng quý I đạt gần 60 triệu tấn, tăng 9,2% so với cùng kì. Tại ngày 23/4, tỉ lệ hoạt động các dây chuyền sản xuất HRC đạt gần 96%, tăng 2,74 điểm % so với cuối tháng 3. Hàng tồn kho giảm hơn 670.000 tấn còn 4,7 triệu tấn nhưng vẫn ở mức cao so với cùng kì.

Đối với thị trường thép cuộn cán nguội (CRC), tổng sản lượng tháng 3

đạt hơn 8,1 triệu tấn, tăng 2,7% so với cùng kì. Sản xuất trung bình ngày đạt 264.000 tấn, tăng 29% so với tháng 2. Khối lượng nhập khẩu CRC đạt 218.000 tấn, tăng 23.000 tấn so với tháng 2; xuất khẩu CRC cũng tăng mạnh 226.000 tấn lên 442.000 tấn. Hàng tồn kho giảm kho giảm 93.000 tấn so với cuối tháng 3 còn 1,7 triệu tấn.

2. Tình hình xuất nhập khẩu, tồn kho

Quý I, Trung Quốc xuất khẩu gần 14,3 triệu tấn thép, giảm 16% so với cùng kì năm ngoái. Việc xuất khẩu tăng mạnh trong tháng 3 và 4 có thể do các nhà máy tích cực giải phóng hàng tồn kho nhằm giảm áp lực cho thị trường trong nước.

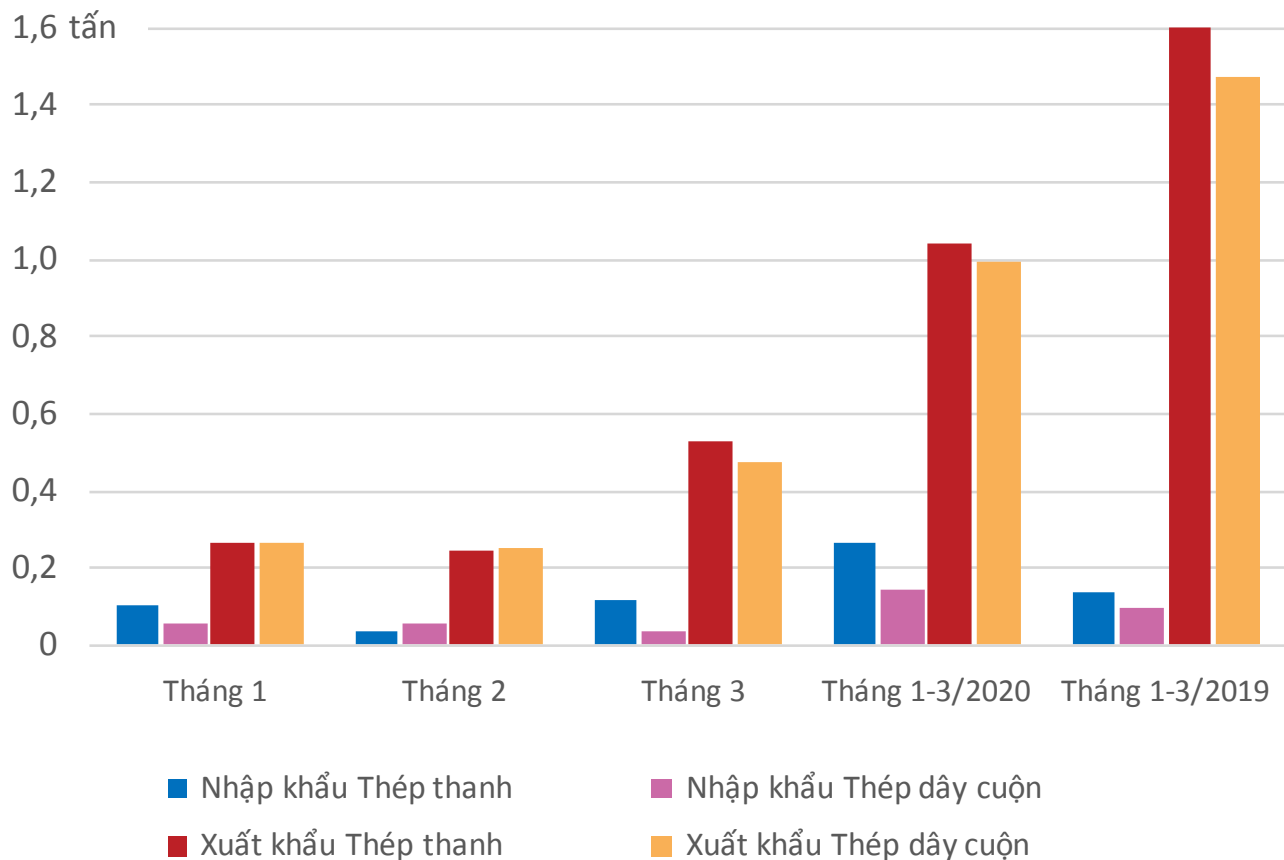


Biểu đồ 18: Thống kê xuất nhập khẩu sắt thép Trung Quốc
(Nguồn: SteelHome, Nguyễn Thương tổng hợp).

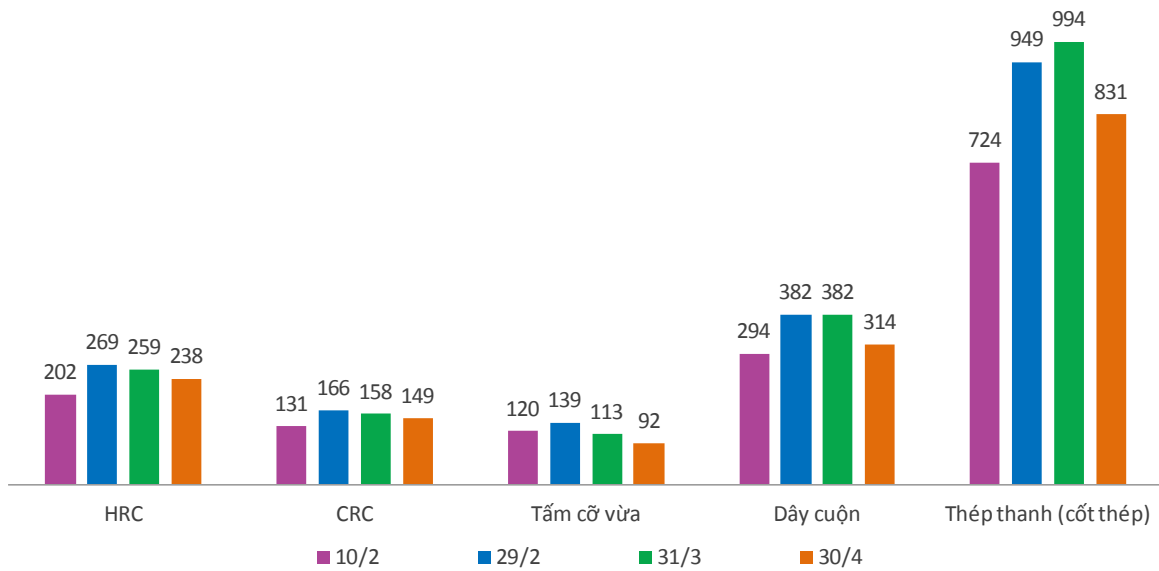
Nhu cầu thép Trung Quốc phục hồi khi dịch COVID-19 được kiểm soát tại quốc gia này. Trong khi đó, tình hình lây nhiễm tại các nước khác trở nên nghiêm trọng hơn, đặc biệt là khối châu Âu, Mỹ và một phần châu Á.

Theo đánh giá của người viết, điều này sẽ ảnh hưởng tới việc xuất khẩu thép của Trung Quốc ít nhất trong quý II. Ngược lại, nhu cầu nhập khẩu (phôi thép, thép thanh, thép cán nóng) có thể tăng mạnh nhờ hoạt động xây dựng đang phục hồi mạnh mẽ.

Tháng 4, Trung Quốc nhập khẩu hơn 115 triệu tấn quặng sắt tại các cảng lớn, tồn kho quặng sắt tại 46 cảng chính đạt gần 118 triệu tấn, theo số liệu SteelHome. Quý I, Trung Quốc cũng nhập khẩu hơn 528.000 tấn phôi thép, tăng 415,8% so với cùng kì năm ngoái, dù đây là một trong những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của ngành thép Trung Quốc.



Biểu đồ 19: Hoạt động nhập khẩu thép thanh ba tháng đầu năm tăng mạnh so với cùng kì năm ngoái (Nguồn: SteelHome).

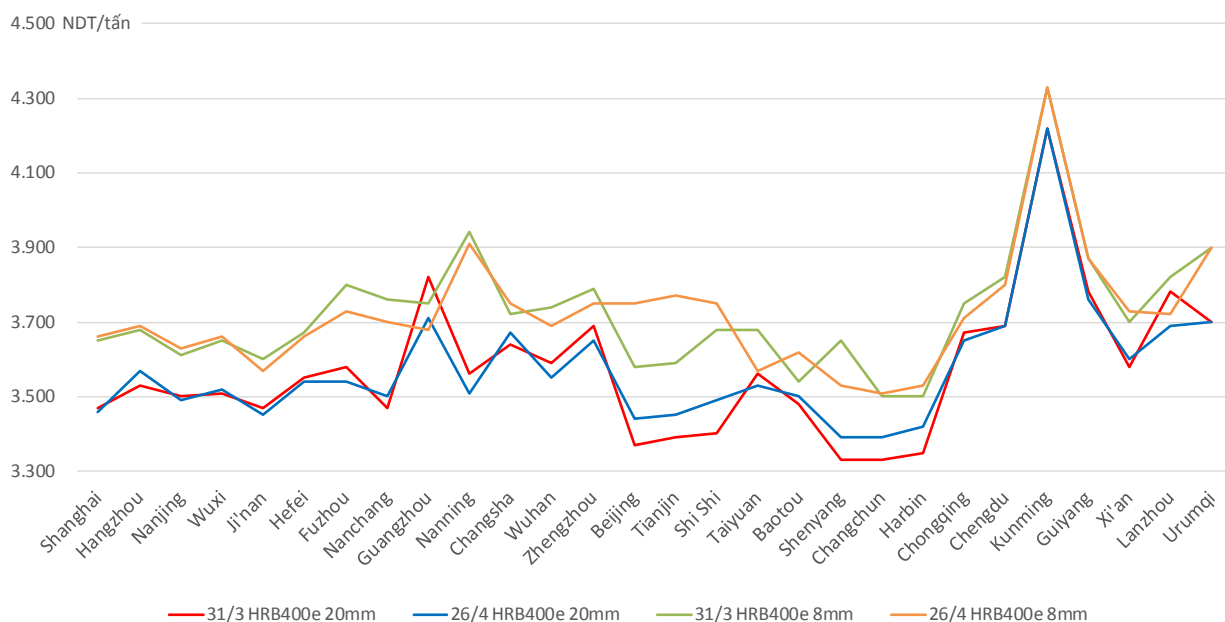


Biểu đồ 20: Tồn kho thép xây dựng đạt mức cao nhất vào giữa quý I và giảm dần trong tháng 4 (Nguồn: SteelHome/ Đơn vị: 10.000 tấn).

3. Diễn biến giá

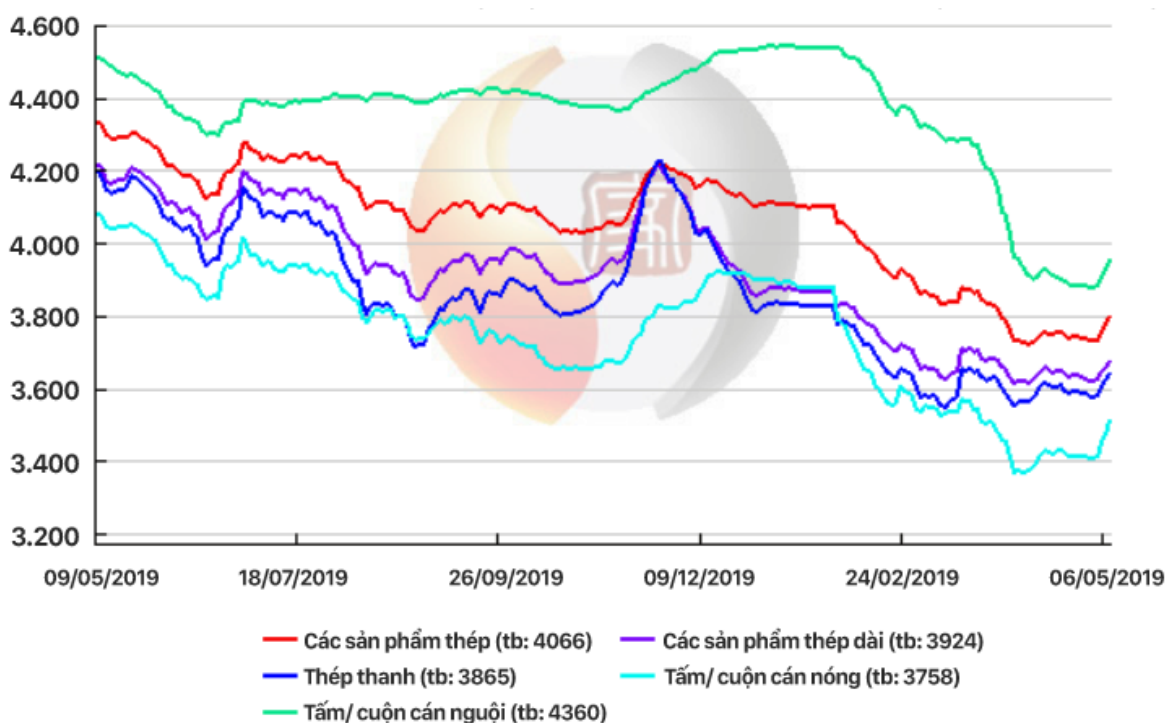
Giá thép Trung Quốc tăng nhẹ vào cuối tháng 4 nhờ nhu cầu trong nước hồi phục.

Trên thị trường giao sau, giá hợp đồng tương lai thép thanh và thép cán nóng được giao dịch nhiều nhất trên Sàn Giao dịch Thương Hải đóng cửa ở mức 3.367 nhân dân tệ/tấn và 3.211 nhân dân tệ/tấn, tăng lần lượt 134 NDT và 130 NDT/tấn so với thời điểm cuối tháng 3.



Biểu đồ 21: Giá thép thanh nhóm III 20mm và thép thanh cuộn 8mm tại một số khu vực lớn của Trung Quốc (Nguồn: SteelHome).

Kể từ giữa tháng 4, giá thép phế liệu trong nước đã tăng trở lại, theo dữ liệu SteelHome. Với tốc độ vận hành bình thường tại các nhà máy, giá thép phế liệu tăng lên có thể gây áp lực cho nguồn cung nội địa.



Biểu đồ 22: Chỉ số giá thép Trung Quốc trong một năm qua (Nguồn: SteelHome/ Đơn vị: NDT/tấn).

Phần 2

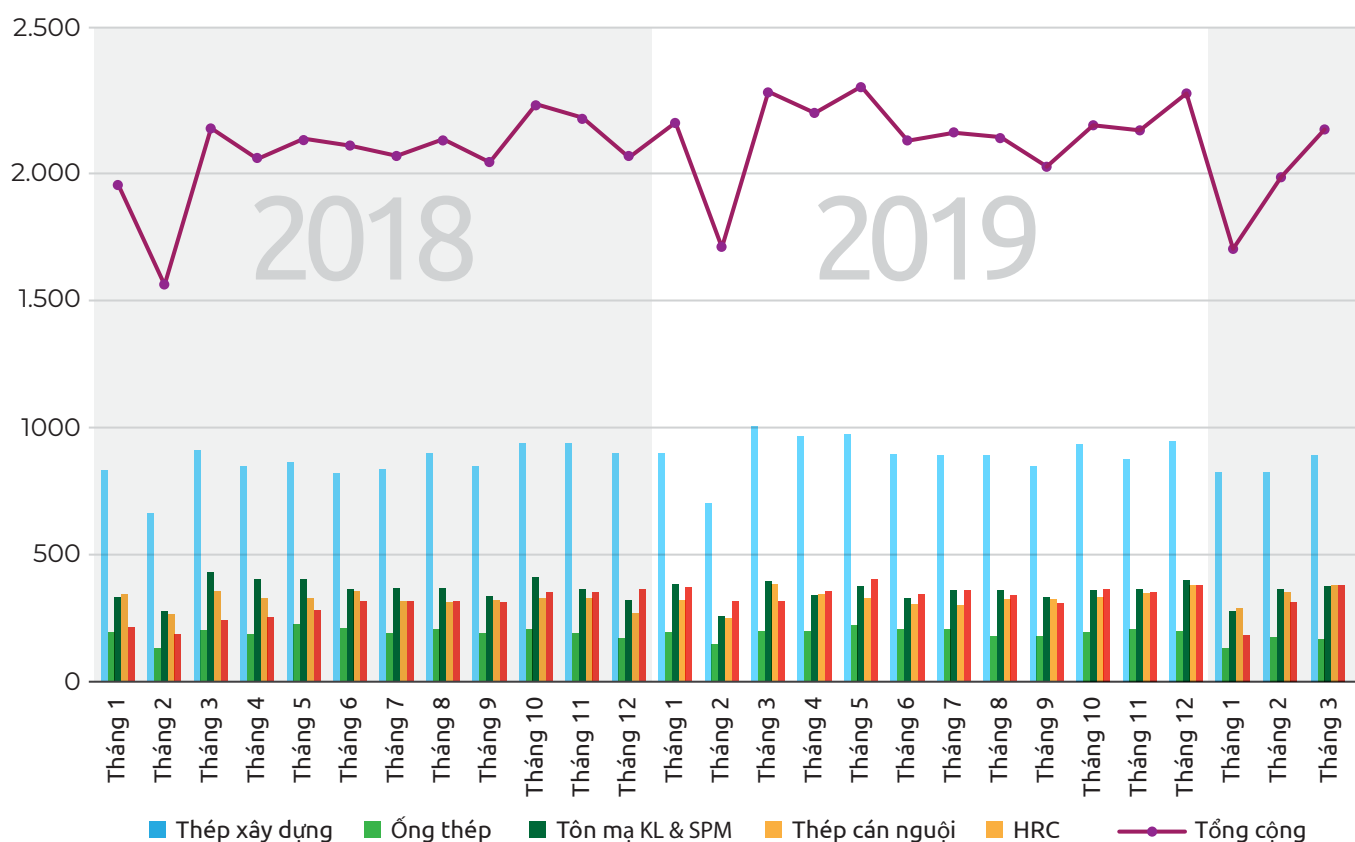
THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM



1. Sản lượng thép Việt Nam

Tháng 3, sản xuất thép các loại của Việt Nam đạt trên 2,1 triệu tấn, tăng gần 8% so với tháng 2 nhưng giảm 7,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh số bán hàng thép khoảng 2 triệu tấn, tăng 28,2% so với tháng 2 nhưng giảm 3,6% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu thép các loại đạt 422.185 tấn, tăng hơn 22% so với tháng 2 và giảm 1,7% so với cùng kỳ, theo số liệu của Hiệp hội thép Việt Nam.

Quý I, sản xuất thép các loại đạt trên 5,7 triệu tấn, giảm 6% so với cùng kỳ năm ngoái. Bán hàng đạt trên 5 triệu tấn, giảm 12,4% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu thép các loại giảm 21,3% còn khoảng 1 triệu tấn.

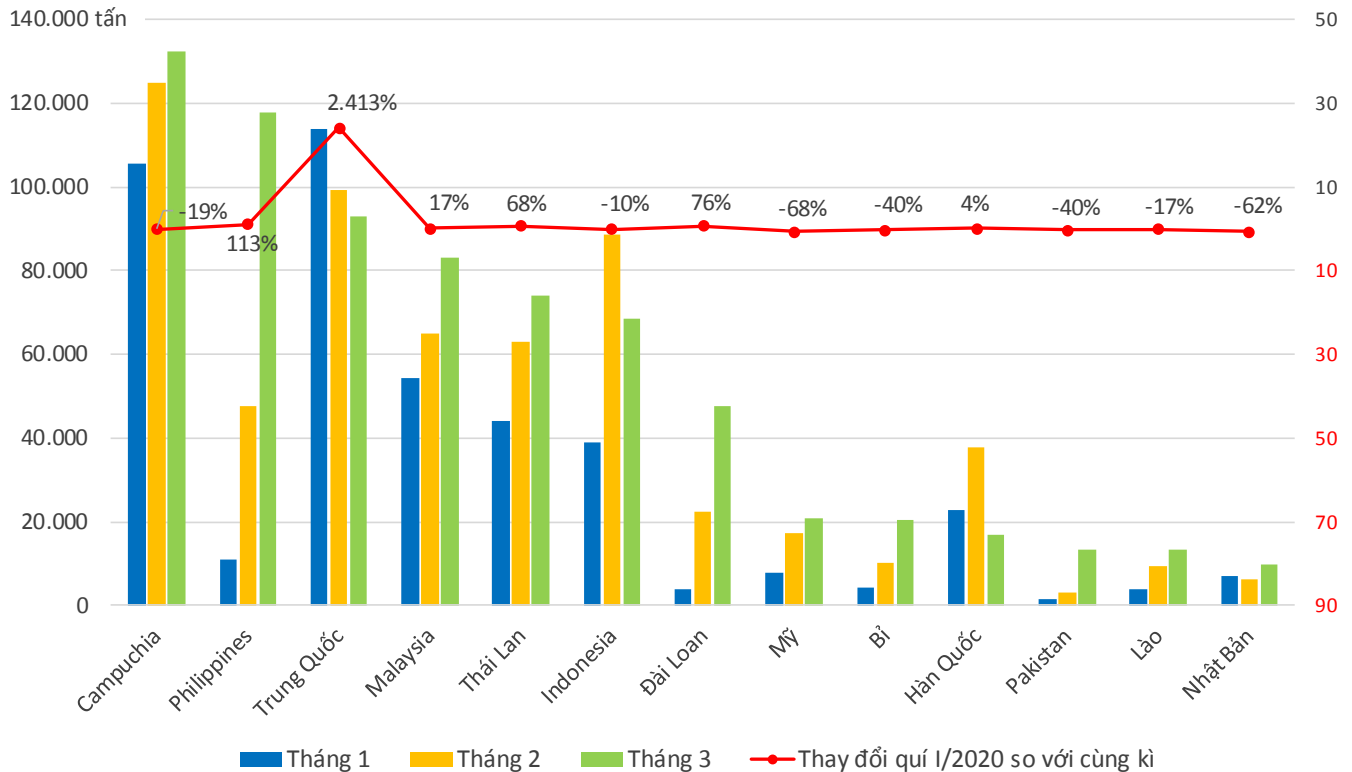


Biểu đồ 22: Tình hình sản xuất thép thành phẩm năm 2020
(Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam).

2. Tình hình xuất nhập khẩu

Tháng 3, Việt Nam xuất khẩu 735.321 tấn sắt thép các loại, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 403 triệu USD. Quý I, sản lượng xuất khẩu đạt khoảng 1,8 triệu tấn, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm ngoái; tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu giảm 3% còn 995 triệu USD.

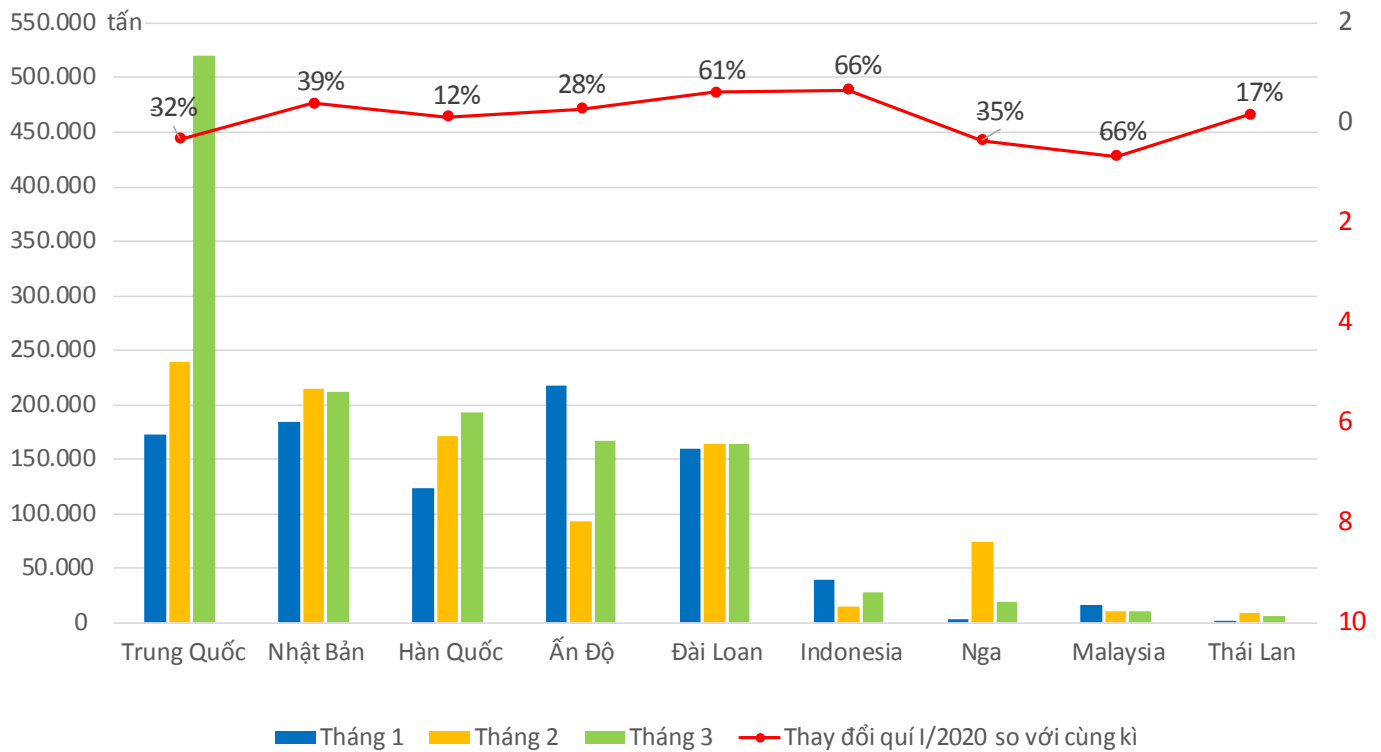
Đáng chú ý, sản lượng xuất khẩu sắt thép quý I sang Trung Quốc cao gấp 24 lần cùng kỳ. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đẩy mạnh xuất khẩu qua Philippines, Thái Lan, Đài Loan.



Biểu đồ 23: Những quốc gia nhập khẩu trên 10.000 tấn thép các loại của Việt Nam
(Nguồn: Nguyễn Thương tổng hợp/Tổng Cục Hải quan).

Tháng 3, Việt Nam nhập khẩu 1,3 triệu tấn sắt thép các loại, kim ngạch nhập khẩu đạt trên 815 triệu USD. Quý I, sản lượng nhập khẩu đạt khoảng 3,3 triệu tấn, không thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm ngoái. Kim ngạch nhập khẩu đạt gần 2 tỉ USD, giảm 9,5% so với cùng kỳ.

Thời điểm Trung Quốc bùng phát dịch mạnh trong hai tháng đầu năm, Việt Nam đã tăng cường nhập khẩu sắt thép từ thị trường Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Loan. Sau khi dịch bệnh được kiểm soát tại Trung Quốc, nhập khẩu tăng vọt trở lại vào tháng 3 với khối lượng trên 520.000 tấn.

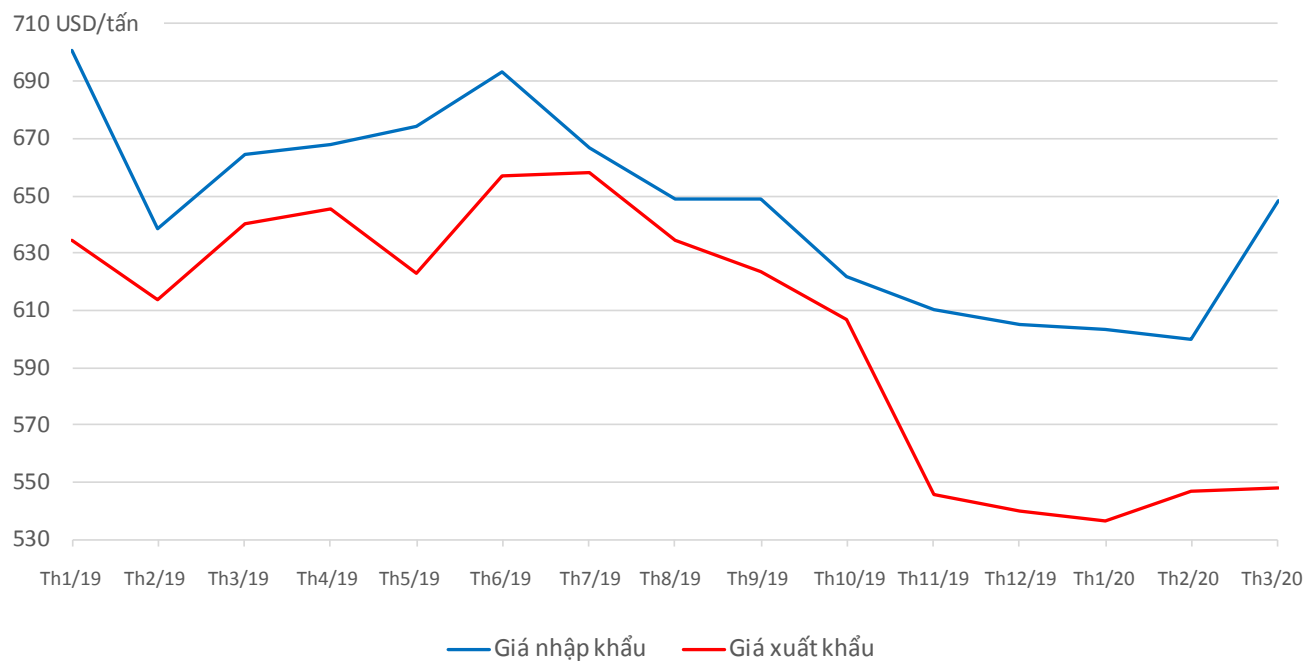


Biểu đồ 24: Những quốc gia xuất khẩu trên 10.000 tấn thép các loại sang Việt Nam
(Nguồn: Nguyễn Thương tổng hợp/Tổng Cục Hải quan).

3. Diễn biến giá

Mức giá nhập khẩu trung bình các loại sắt thép trong quý I tại một số nước như Ấn Độ, Nga, Đài Loan, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc dao động khoảng 400 – 800 USD/tấn và đặc biệt giảm mạnh trong hai tháng đầu năm so với cùng kỳ năm ngoái.

Ngược lại, giá xuất khẩu đi các quốc gia khá thấp. Cụ thể, giá xuất khẩu trung bình các loại sắt thép trong quý I sang Trung Quốc đạt khoảng 418 USD/tấn; đối với Campuchia, Đài Loan, Indonesia, Hàn Quốc khoảng 500 – 600 USD/tấn.



Biểu đồ 25: Giá xuất nhập khẩu trung bình sắt thép các loại của Việt Nam
(Nguồn: Nguyễn Thương tổng hợp/Tổng Cục Hải quan).

Phần 4

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH





Hoa Sen (Mã: HSG): Trong quý II niên độ tài chính 2019-2020 (từ 1/1 đến 31/3/2020), Hoa Sen đạt doanh thu thuần 5.779 tỉ đồng, giảm 16,3% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tiêu thụ cũng giảm 8,6% xuống 338.674 tấn. Tuy vậy, lợi nhuận sau thuế quý vừa qua vẫn đạt 201 tỉ đồng, tăng trưởng 278%.

Tính chung nửa đầu niên độ này (6 tháng từ 1/10/2019 đến 31/3/2020), Hoa Sen ghi nhận doanh thu 12.364 tỉ đồng và sản lượng tiêu thụ 738.204 tấn, giảm lần lượt 14,4% và 3,8% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế 382 tỉ đồng, tăng 228%.

So với kế hoạch được đại hội cổ đông thường niên thông qua, sau 6 tháng Hoa Sen đã thực hiện 49,2% mục tiêu sản lượng, 44% mục tiêu doanh thu và 95% mục tiêu lãi sau thuế.

Trong báo cáo phân tích mới đây, Chứng khoán Bản Việt (VCSC) cho biết lợi nhuận của Hoa Sen phục hồi mạnh mẽ là nhờ việc tích lũy thép cuộn cán nóng (HRC) nguyên liệu với chi phí thấp. Tuy nhiên, khả năng gia tăng biên lợi nhuận thông qua tích lũy HRC sẽ giảm dần trong quý III niên độ 2019-2020 (từ 1/4 đến 30/6/2020).

Chứng khoán TP HCM (HSC) dẫn số liệu của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) cho biết trong nửa đầu niên độ tài chính 2019-2020, Hoa Sen đã bán được 581.288 tấn tôn mạ, giảm 4,7% so với cùng kỳ và 181.386 tấn ống thép, giảm 10,9%.

Thị phần của công ty giảm còn 29,5% đối với tôn mạ (từ 31,4% trong nửa đầu năm 2019) và 15,3% đối với ống thép

(từ 15,7% trong nửa đầu năm 2019).

Để ứng phó với điều kiện thị trường hiện tại, Hoa Sen đã tái cơ cấu hoạt động bằng cách tập trung vào các sản phẩm sinh lời cao như tôn mạ kẽm và tôn kẽm màu thay cho những sản phẩm có tỉ suất lợi nhuận thấp như ống thép.

Hồi tháng 1/2020, Hoa Sen đã ra mắt dòng sản phẩm tôn mạ cao cấp với giá bán cao hơn.

Theo HSC, việc cải thiện cơ cấu sản phẩm đã bù đắp hoàn toàn sản lượng tiêu thụ giảm trong giai đoạn này. Nửa cuối năm 2020 có thể sẽ mang đến nhiều thách thức cho Hoa Sen. Sự sụt giảm của sản lượng xuất khẩu trong những tháng tới sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến Hoa Sen vì thị trường xuất khẩu chiếm 40,2% tổng sản lượng tiêu thụ của công ty.

Trong khi đó, việc thực hiện qui định giãn cách xã hội trên toàn quốc từ 1/4 đến 22/4 cũng ảnh hưởng một phần đến nhu cầu thép trong nước.



Hòa Phát (Mã: HPG): Trong quý I vừa qua, Hòa Phát đạt doanh thu thuần đạt 19.233 tỉ đồng, tăng trưởng 28,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá vốn hàng bán tăng chậm hơn với tốc độ 25,3%, giúp cho lợi nhuận gộp vọt lên gần 44%, ghi nhận 3.763 tỉ đồng.

Chi phí tài chính (trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay) tăng sốc 241% lên 823 tỉ đồng, do vậy lợi nhuận sau thuế chỉ tăng trưởng 27%, thấp hơn so với mức tăng của lợi nhuận gộp.

Tại ngày 31/3/2020, tổng nợ vay ngân hàng của Hòa Phát là 41.343 tỉ đồng, trong đó vay ngắn hạn là 21.100 tỉ đồng, vay dài hạn 20.243 tỉ đồng.

So với đầu năm, tổng nợ vay tăng 4.664 tỉ đồng. Nếu so với một năm trước (31/3/2019), tổng nợ vay của Hòa Phát đã tăng 10.864 tỉ đồng. Chi phí lãi vay trong quý I năm nay là 481 tỉ đồng, cao gấp 2,6 lần cùng kì năm 2019.

Liên quan đến hoạt động vay nợ, Hòa Phát mới đây ra thông cáo cho biết thực vay ròng tại ngày 31/3 chỉ là 36.179 tỉ đồng do Hòa Phát có 5.164 tỉ đồng tiền gửi có kì hạn tại các ngân hàng. Tỷ lệ vốn vay ròng so với vốn chủ sở hữu thời điểm cuối tháng 3 là 0,72 lần và vào cuối tháng 4 là 0,66 lần. "Các con số này cho thấy quản trị tài chính của Hòa Phát rất chặt chẽ, an toàn".

Trong ba tháng đầu năm 2020, thép xây dựng Hòa Phát đã cung cấp cho thị trường trên 732.433 tấn (chưa kể phôi thép), tăng 5,1% so với cùng kì năm ngoái.

Theo báo cáo phân tích của HSC, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng quý I của toàn ngành giảm 15,4% so với cùng kì. Do vậy, Hòa Phát tiếp tục giành thêm thị phần từ 26,2% trong năm 2019 lên 31,9% trong quý I/2020.

Theo HSC, tăng trưởng này đạt được là nhờ nỗ lực thúc đẩy doanh thu bán hàng tại khu vực phía Nam và thị trường xuất khẩu thay vì chỉ dựa vào thị trường phía Bắc như trước đây.

Sản lượng tiêu thụ thép dài và phôi thép tăng đã giúp tối đa hóa tỉ lệ công suất

hoạt động tại các nhà máy hiện tại của công ty. Theo ước tính của HSC, tỉ lệ này có thể đạt trên 91% tại các khu liên hợp Hòa Phát Hưng Yên và Hải Dương, cao hơn đáng kể mức 80% cuối năm ngoái.

Tỉ lệ công suất tăng hỗ trợ giảm chi phí sản xuất trên mỗi đơn vị sản phẩm thép dài và phôi thép. Bên cạnh đó, giá than cốc giảm cũng giúp bù đắp cho mức giảm bình quân 9,6% của giá bán thép xây dựng còn 11,4 triệu đồng/tấn trong quý I/2020.

Ngoài thép, mảng nông nghiệp cũng đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh quý I của Hòa Phát.

Theo báo cáo tài chính mới công bố, doanh thu thuần mảng thép tăng trưởng 30% so với cùng kì 2019 trong khi doanh thu mảng nông nghiệp tăng 58,5%. Tỉ trọng doanh thu của mảng nông nghiệp tăng từ 11,7% trong quý I/2019 lên thành 14,4%.

Nhiều doanh nghiệp có lợi nhuận khả quan:



Thép Nam Kim (Mã:

NKG): Doanh thu thuần của Thép Nam Kim (NKG) quý vừa qua đạt gần 2.452

tỉ đồng, giảm 16,7% so với quý I/2019. Tuy nhiên giá vốn hàng bán giảm tới 24% còn 2.240 tỉ đồng. Nhờ vậy công ty vẫn có lãi gộp 212 tỉ đồng trong khi cùng kì năm ngoái lỗ gộp hơn 1 tỉ đồng.

Lợi nhuận sau thuế đạt 41,5 tỉ đồng, cải thiện đáng kể so với số lỗ 101,6 tỉ đồng cùng kì năm ngoái.

Chứng khoán HSC dẫn số liệu từ Hiệp hội Thép Việt Nam cho biết Nam Kim đã bán được 148.272 tấn tôn mạ và ống thép trong quý I/2020, giảm 11,4% so với cùng kì. Thị phần giảm từ 11,6% trong quý I năm ngoái xuống còn 11,2% trong quý vừa qua. Giá bán bình quân cũng giảm 5-6% so với cùng kì xuống còn 16,5 triệu đồng/tấn.

Theo cơ cấu thị trường, doanh thu xuất khẩu đạt 1.131 tỉ đồng, giảm 11,2% so với cùng kì và chiếm 46,1% doanh thu thuần quý I/2020. Thị trường nội địa ghi nhận 1.328 tỉ đồng, giảm 21,1% và đóng góp 53,9% vào cơ cấu doanh thu.



Ống thép Việt Đức: (VGPIPE) (Mã: VGS) báo cáo lãi sau thuế 10,6 tỉ đồng, nhích nhẹ so với mức 10,2 tỉ đồng trong quý đầu năm ngoái.



Thép Pomina (Mã: POM) lỗ sau thuế 56 tỉ đồng trong quý I/2020, thấp hơn khoản lỗ 84 tỉ đồng trong quý I/2019. Lợi nhuận gộp tăng đáng kể từ 18 tỉ đồng lên 88 tỉ đồng.

Nhiều doanh nghiệp khác chứng kiến kết quả đi xuống như: Gang Thép Thái Nguyên (Tisco) lợi nhuận giảm từ 8,1 tỉ đồng xuống 4,3 tỉ đồng, Thép Việt Ý (VIS) từ lỗ 33,6 tỉ đồng quý đầu năm ngoái thành lỗ 41,7 tỉ đồng quý I năm nay ■

Phần 5

DỰ BÁO



Xuất khẩu thép Trung Quốc tăng đáng kể vào cuối quý I nhưng dự kiến sẽ giảm đáng kể trong quý II. Ngược lại, quốc gia này sẽ gia tăng nhập khẩu nhờ nhu cầu trong nước hồi phục. Nhờ đó, giá quặng sắt có thể được hỗ trợ trong thời gian tới.

Ngoài ra, nhu cầu các quốc gia khác suy yếu cũng là động lực dịch chuyển mặt hàng sắt thép sang Trung Quốc. Tuy nhiên, việc nhập khẩu các sản phẩm thép dài có thể không tăng mạnh do ngành công nghiệp ô tô, máy móc nước này suy giảm.

Trong khi đó, Ấn Độ áp dụng lệnh phong tỏa từ ngày 25/3 đến ngày 3/5 khiến hoạt động xây dựng trong nước phục hồi chậm, tăng áp lực đối với các nhà sản xuất thép do phải tìm kiếm các điểm đến nước ngoài. Dự báo, quốc gia này sẽ đẩy mạnh xuất khẩu trong quý II. Đồng thời, một số quốc gia nhập khẩu thép ròng như Indonesia, Philippines, Singapore, Việt Nam sẽ tiếp tục gia tăng nhập khẩu trong quý II ■

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Sản lượng thép thế giới (Trang 5)

Biểu đồ 2: Các khu vực sản xuất trên 1 triệu tấn thép trong tháng 3/2020 (ngoại trừ Trung Quốc) (Trang 6)

Biểu đồ 3: Thống kê số người nhiễm COVID-19 trên thế giới (tại ngày 8/5) (Trang 6)

Biểu đồ 4: Các dòng sắt, thép xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản (Trang 7)

Biểu đồ 5: Thống kê xuất khẩu các sản phẩm thép thông thường của Nhật Bản (Trang 8)

Biểu đồ 6: Thống kê các thị trường nhập khẩu sản phẩm sắt thép thông thường của Nhật Bản (Trang 9)

Biểu đồ 7: Thống kê nhập khẩu các sản phẩm thép của Nhật Bản (Trang 10)

Biểu đồ 8: Thống kê nhập khẩu các sản phẩm thép thông thường của Nhật Bản (Trang 11)

Biểu đồ 9: Thống kê nhập khẩu các loại thép thông thường của Nhật Bản (Trang 11)

Biểu đồ 10: Thống kê nhập khẩu thép của Mỹ (Trang 12)

Biểu đồ 11: Các thị trường xuất khẩu sắt thép sang Mỹ trong ba tháng đầu năm 2020 (Trang 12)

Biểu đồ 12: Các sản phẩm thép nhập khẩu chính của Mỹ trong ba tháng đầu năm 2020 (Trang 13)

Biểu đồ 13: Giá thép xuất khẩu trung bình tháng 3 của Nhật Bản (Trang 14)

Biểu đồ 14: Giá thép nhập khẩu trung bình tháng 3 của Nhật Bản (Trang 15)

Biểu đồ 15: Giá một số sản phẩm thép nội địa Mỹ (Trang 15)

Biểu đồ 16: Thống kê sản lượng thép Trung Quốc (Trang 17)

Biểu đồ 17: Sản lượng thép thanh và dây thép Trung Quốc (Trang 17)

Biểu đồ 18: Thống kê xuất nhập khẩu sắt thép Trung Quốc (Trang 18)

Biểu đồ 19: Hoạt động nhập khẩu thép thanh ba tháng đầu năm tăng mạnh so với cùng kì năm ngoái (Trang 19)

Biểu đồ 20: Tồn kho thép xây dựng đạt mức cao nhất vào giữa quý I và giảm dần trong tháng 4 (Trang 20)

Biểu đồ 21: Giá thép thanh nhóm III 20mm và thép thanh cuộn 8mm tại một số khu vực lớn của Trung Quốc (Trang 20)

Biểu đồ 22: Tình hình sản xuất thép thành phẩm năm 2020 (Trang 23)

Biểu đồ 23: Những quốc gia nhập khẩu trên 10.000 tấn thép các loại của Việt Nam (Trang 24)

Biểu đồ 24: Những quốc gia xuất khẩu trên 10.000 tấn thép các loại sang Việt Nam (Trang 25)

Biểu đồ 25: Giá xuất nhập khẩu trung bình sắt thép các loại của Việt Nam (Trang 26)

NGUỒN THAM KHẢO

Hiệp hội thép thế giới (Worldsteel)

Hiệp hội thép Trung Quốc (CISA)

SteelHome

JFE Holdings

Hiệp hội thép Việt Nam (VSA)

Bộ Công Thương

Tổng cục Hải quan

Reuters

Website một số doanh nghiệp: CTCP Kim khí TP HCM, CTCP Tôn Phương Nam

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường thép quý I/2020” được biên tập viên mục Hàng hóa, Doanh nghiệp của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Sử dụng thông tin và số liệu. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo “Thị trường thép quý I/2020” chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

**ĐỂ THEO DÕI CÁC BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI,
XIN TRUY CẬP ĐỊA CHỈ:**



Báo cáo thị trường thép
năm 2019



Báo cáo thị trường thép
tháng 1/2020



Báo cáo thị trường thép
tháng 2/2020



Mục “Báo cáo ngành hàng”
- VietnamBiz

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI ĐỊA CHỈ:

Trịnh Huyền Trang

Thư kí Tòa soạn phụ trách mục Hàng hóa – trang TTĐTTH VietnamBiz

Email: info@vietnambiz.vn

ĐT: 0995222999



Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP